



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

2

Tháng 1 - 2016

HỘI NGHỊ THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN THÀNH PHỐ TAM KỲ LÀ ĐÔ THỊ LOẠI II TRỰC THUỘC TỈNH QUẢNG NAM

Hà Nội, ngày 20 tháng 1 năm 2015



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị thẩm định



Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam Lê Trí Thanh phát biểu trong Hội nghị

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI BẢY

2

SỐ 2-1/2016



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn về dự án quan trọng quốc gia 5
- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025 7

Văn bản của địa phương

- Tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định về quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh 11
- Tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định về Quy chế phối hợp giữa các đơn vị có liên quan trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; đăng ký biến động đất đai và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh 13

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH
ĐỖ HỮU LỰC
Phó giám đốc Trung tâm
Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN
(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẬN
CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN
CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC
CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH
ThS. PHẠM KHÁNH LÝ
CN. TRẦN ĐÌNH HÀ
CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu chế tạo phụ gia sản xuất than cục ép sử dụng trong lò khí hóa than” 17
- Nghiệm thu 02 Dự thảo tiêu chuẩn Việt Nam về mặt dựng kính 18
- Nghiệm thu Dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam “Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép từ bê tông silicat - Tiêu chuẩn thiết kế” 19
- Nghiệm thu đề tài Nghiên cứu sử dụng rác thải làm nhiên liệu thay thế trong công nghiệp sản xuất xi măng ở Việt Nam 21
- Nghiệm thu Dự thảo TCVN về công trình năng lượng hạt nhân 22
- Nghiệm thu dự thảo TCVN Kết cấu thép xây dựng - Chế tạo và kiểm tra chất lượng 23
- Nghiệm thu đề tài khoa học & công nghệ của Trường Đại học Xây dựng 24
- Công nghệ xây nhà nhanh của CHLB Nga 25
- Công nghệ Nano xây dựng nên một thế giới nước hoàn mỹ 28
- Biện pháp thi công công trình xanh và xu thế phát triển tại Trung Quốc 31

Thông tin

- Thành phố Mỹ Tho đạt tiêu chuẩn đô thị loại I 33
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Tam Kỳ là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Quảng Nam 35
- Thị trấn Đồng Đăng đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV 37
- Bộ Xây dựng sẽ tập trung phát triển nhà ở xã hội cho các đối tượng chính sách 38
- Bộ Xây dựng yêu cầu tăng cường kiểm soát phát triển đô thị theo quy hoạch và có kế hoạch 40
- Các nguyên tắc kiến trúc xanh theo quan điểm của Kiến trúc sư F.L. Rayt 41
- Ba nội dung quan trọng trong tái cơ cấu ngành Xây dựng của Trung Quốc 45

VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn về dự án quan trọng quốc gia

Ngày 25 tháng 12 năm 2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 131/2015/NĐ-CP hướng dẫn về dự án quan trọng quốc gia.

Theo Nghị định này, thẩm quyền quyết định việc thuê tư vấn kiểm tra các dự án quan trọng quốc gia thì tư vấn là các tổ chức hoặc cá nhân trong nước, nước ngoài hoặc liên danh trong nước và nước ngoài; Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước quyết định việc thuê tư vấn trong nước, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận thuê tư vấn nước ngoài hoặc liên danh tư vấn trong nước và tư vấn nước ngoài.

Quy trình, thủ tục lựa chọn tư vấn thẩm tra dự án quan trọng quốc gia trong vòng 15 ngày, kể từ ngày giao thầu, Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành hoàn tất thủ tục gồm chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu tư vấn bao gồm yêu cầu phạm vi, nội dung công việc, thời gian thực hiện, chất lượng công việc...; tiến hành thương thảo hoàn thiện hợp đồng; trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước phê duyệt kết quả; hợp đồng được ký kết giữa 3 bên gồm đại diện của Hội đồng thẩm định Nhà nước, chủ đầu tư và tư vấn được lựa chọn; công khai kết quả chỉ định thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Chi phí thẩm tra và thẩm định các dự án quan trọng quốc gia được xác định như sau định mức chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi được tính bằng định mức chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi; chi phí thẩm định được tính bằng 20% định mức chi phí thẩm tra; định mức chi phí thẩm tra áp dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Chi phí thẩm định và thuê tư vấn thẩm tra các dự án quan trọng quốc gia được tính trong tổng mức đầu tư dự án và

được chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư thanh toán theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định nhà nước.

Quy trình, thủ tục trình thẩm định của chủ đầu tư hoặc đơn vị trực thuộc cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư bao gồm hồ sơ thẩm định (tờ trình thẩm định, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; tài liệu khác có liên quan); chủ đầu tư gửi 15 bộ hồ sơ dự án đến cơ quan chủ quản hoặc cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư để tổ chức thẩm định nội bộ, thời gian thẩm định nội bộ không quá 30 ngày; chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ dự án theo nội dung thẩm định, chuẩn bị hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ.

Hồ sơ trình Chính phủ của Hội đồng thẩm định nhà nước gồm tờ trình Chính phủ của cơ quan chủ quản; báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã được hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước; báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước; các tài liệu khác có liên quan. Chính phủ xem xét, cho ý kiến về chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia. Hồ sơ Chính phủ trình Quốc hội bao gồm (tờ trình của Chính phủ, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã được hoàn chỉnh theo ý kiến của Chính phủ; báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước; các tài liệu khác có liên quan).

Nội dung thẩm định chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn đầu tư công gồm đánh giá về hồ sơ Dự án (căn cứ pháp lý, thành phần, nội dung hồ sơ theo quy định); việc đáp ứng các tiêu chí xác định dự án; sự cần thiết đầu tư, các điều kiện, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, chiến lược, kế hoạch và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội...; đánh giá về

dự báo nhu cầu, phạm vi phục vụ; đánh giá về khu vực, địa điểm đầu tư...; đánh giá về phân tích, lựa chọn về công nghệ, kỹ thuật, các điều kiện cung cấp vật tư, thiết bị...; đánh giá lựa chọn các phương án đầu tư và quy mô các hạng mục đầu tư; phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư, biện pháp bảo vệ môi trường; sơ bộ tổng mức đầu tư, phương án huy động vốn; chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu trong giai đoạn khai thác, vận hành dự án; đánh giá tiến độ thực hiện dự án; hiệu quả đầu tư gồm kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững; cơ chế, chính sách đặc thù, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng.

Quy trình, thủ tục và hồ sơ trình thẩm định dự án quan trọng quốc gia không sử dụng vốn nhà nước gồm văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư; bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với chủ đầu tư là cá nhân, bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác với chủ đầu tư là tổ chức; nội dung (chủ đầu tư thực hiện dự án; mục tiêu, quy mô, vốn và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động); phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; đánh giá tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội; đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù (nếu có); bản sao 1 trong các tài liệu sau báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của chủ đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, của tổ chức tài chính...; nhu cầu sử dụng đất; giải trình về sử dụng công nghệ (tên công nghệ, xuất xứ, sơ đồ quy trình, ...); hợp đồng BCC với dự án theo hình thức hợp đồng BCC; các tài liệu khác có liên quan.

Chủ đầu tư nộp 21 bộ hồ sơ đến cơ quan đăng ký đầu tư nơi thực hiện dự án; cơ quan đăng ký đầu tư gửi 20 bộ hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong thời hạn 03 ngày; trong thời hạn 05 ngày từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước; Hội

đồng thẩm định nhà nước thẩm định trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập.

Nội dung thẩm định chủ trương đầu tư dự án gồm việc đáp ứng tiêu chí xác định dự án; đánh giá về sự cần thiết; thông tin về nhà đầu tư; đánh giá mục tiêu, quy mô, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện dự án, nhu cầu sử dụng đất, phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư, bảo vệ môi trường; sự phù hợp của dự án với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội...; căn cứ pháp lý về quyền sử dụng địa điểm đầu tư; phương án lựa chọn công nghệ chính, đánh giá vốn đầu tư, phương án huy động vốn; tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội; cơ chế, chính sách đặc thù, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư...

Thủ tục và hồ sơ trình thẩm định dự án quan trọng quốc gia đầu tư ra nước ngoài bao gồm văn bản đăng ký đầu tư ra nước ngoài; bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước... đối với chủ đầu tư là cá nhân, bản sao Giấy chứng nhận thành lập với chủ đầu tư là tổ chức; đề xuất dự án đầu tư gồm (mục tiêu, quy mô, hình thức, địa điểm đầu tư, vốn đầu tư và phương pháp huy động vốn...; bản sao một trong các tài liệu chứng minh năng lực tài chính của chủ đầu tư (báo cáo tài chính 02 năm gần nhất, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ...); cam kết tự cân đối nguồn ngoại tệ; quyết định đầu tư ra nước ngoài;... Nhà đầu tư nộp 20 bộ hồ sơ đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định. Hội đồng thẩm định Nhà nước thẩm định dự án trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày thành lập.

Nội dung thẩm định chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia đầu tư ra nước ngoài gồm điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài; tư cách pháp lý của nhà đầu tư; sự cần thiết của dự án; sự phù hợp của dự án; đánh giá những nội dung cơ bản (quy mô, hình thức đầu tư, địa điểm, thời hạn và tiến độ thực hiện dự án, vốn đầu tư, nguồn vốn); đánh giá

mức độ rủi ro. Hồ sơ trình thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án không sử dụng vốn nhà nước gồm văn bản đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư; các tài liệu tương ứng với nội dung điều chỉnh; báo cáo giám sát, đánh giá điều chỉnh dự án đầu tư. Nhà đầu tư nộp 21 bộ hồ sơ đến cơ quan đăng ký đầu tư nơi thực hiện dự án. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư gửi 20 bộ hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập hội đồng thẩm định nhà nước. Hội đồng thẩm định nhà nước thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án trong thời hạn 90 ngày kể từ khi thành lập.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2016.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025

Ngày 28 tháng 12 năm 2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2426/QĐ-TTg phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025.

Mục tiêu tổng quát xây dựng tỉnh Tuyên Quang phát triển toàn diện, tập trung phát triển một số ngành công nghiệp có lợi thế, mở rộng và gia tăng chất lượng các loại hình dịch vụ, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiệu quả và bền vững; chú trọng nguồn nhân lực, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Mục tiêu cụ thể điều chỉnh giai đoạn 2016 - 2020

Về kinh tế tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt trên 8,0% đến năm 2020, tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt trên 2.400 USD, tổng kim ngạch giá trị xuất khẩu đạt trên 135 triệu USD. Cơ cấu kinh tế thì ngành công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng 40%; ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng 39%; ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm tỷ trọng 21%.

Về xã hội đến năm 2020, dân số trung bình khoảng 794.000 người; tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 60%, trong đó đào tạo nghề trên 37%; trên 70% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã. Giảm tỷ lệ hộ nghèo 3%; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,91%/năm; duy trì 100% số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

Về môi trường đến năm 2020, tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 60%; tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch 98% và 95% dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% chất thải nguy hại, chất thải y tế và 90% chất thải rắn thông thường được xử lý.

Mục tiêu bổ sung giai đoạn 2021 - 2025

Về kinh tế tốc độ tăng trưởng đạt trên 7,5% đến năm 2025; tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt trên 4.000 USD; tổng kim ngạch giá trị xuất khẩu đạt trên 290 triệu USD.

Về xã hội đến năm 2025, dân số trung bình khoảng 833.000 người; tăng tuổi thọ trung bình của người dân trên 75 tuổi; giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 2 - 3 %/năm ; đạt 9,5 bác sỹ/ vạn dân, 30 giường bệnh/ vạn dân và 100% xã, phường, thị

trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế xã. Về môi trường đến năm 2025, tỷ lệ che phủ rừng trên 60%; tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch 98% và trên 95% dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; 85% khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung; tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế đạt tiêu chuẩn 100%.

Điều chỉnh định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực

Về nông nghiệp phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất nông nghiệp tăng trên 4 %/năm giai đoạn 2016 - 2020 và giai đoạn 2021 - 2025 tăng trên 3% ; tái cơ cấu ngành nông nghiệp hướng tới nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phát triển trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp phù hợp về quy mô và điều kiện từng vùng; tập trung phát triển một số cây chủ lực như cây mía, cây chè, cây cam sành; phát triển chăn nuôi hàng hóa, tạo sản phẩm có chất lượng và sức cạnh tranh cao.

Lâm nghiệp quản lý và bảo vệ chặt chẽ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; đẩy mạnh liên kết giữa các công ty lâm nghiệp với các cơ sở chế biến lâm sản; ưu tiên cho sản xuất giấy và bột giấy; phấn đấu giai đoạn 2016 - 2020 trồng 51.000 ha rừng tập trung và giai đoạn 2021 - 2025 trồng trên 49.000 ha rừng tập trung.

Thủy sản phát triển theo hướng nuôi thâm canh các loài cá đặc sản có giá trị kinh tế cao như rầm xanh, anh vũ,... duy trì diện tích mặt nước nuôi tổng thủy sản trên 12.200 ha.

Chương trình nông thôn mới phấn đấu đến năm 2020 có trên 30% xã đạt chuẩn nông thôn mới; thành phố Tuyên Quang đạt chuẩn nông thôn mới cấp huyện; đến năm 2025 có 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; điều chỉnh quy hoạch tổng thể di dân tái định cư thủy điện Tuyên Quang; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng , hỗ trợ ổn định đời sống và phát triển sản xuất cho các hộ dân vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng.

Về công nghiệp tập trung phát triển các ngành công nghiệp chủ yếu chế biến:

Chế biến nông, lâm sản, thực phẩm tập trung năng lực chế biến bằng công nghệ tiên tiến như chế biến hoa quả, sản xuất bia, rượu.

Sản xuất vật liệu xây dựng đầu tư một số cơ sở sản xuất gạch; chú trọng các dự án sản xuất vật liệu mới như gạch granit, vật liệu composite, bê tông nhẹ...

Công nghiệp cơ khí, luyện kim và công nghiệp hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp về cơ khí, luyện kim, tập trung phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Về khai thác, chế biến khoáng sản cần tăng cường chế biến sâu khoáng sản, hạn chế xuất khẩu khoáng sản chưa qua chế biến sâu; thăm dò mở rộng các điểm khoáng sản có triển vọng.

Tập trung sản xuất phân vi sinh phục vụ cho nhu cầu của ngành nông nghiệp và lâm nghiệp; kêu gọi một số dự án sản xuất nhựa bao bì, nhựa vật liệu xây dựng, nhựa gia dụng... chú trọng công tác bảo vệ môi trường. Đa dạng hóa các hình thức đầu tư để phát triển nguồn điện, nhất là thủy điện vừa và nhỏ, nâng cấp lưới điện; mở rộng mạng lưới cấp, thoát nước để cấp nước sạch cho dân đô thị và dân cư nông thôn. Phát triển các khu công nghiệp, phấn đấu đến năm 2025 toàn tỉnh có 3 khu công nghiệp Long Bình An, Vĩnh Thái, và Sơn Nam. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế phát triển tiểu thủ công nghiệp, xây dựng các làng nghề như dệt thổ cẩm, hàng mây, tre đan...

Phát triển thương mại, dịch vụ

Về thương mại mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu; tổng kim ngạch xuất khẩu đến năm 2020 đạt trên 135 triệu USD; tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 2016 - 2020 là 15,8 %/năm và đến năm 2025 đạt trên 290 triệu đô, tốc độ tăng trưởng trung bình khoảng 17 %/năm; đầu tư đổi mới kỹ thuật, công nghệ, các công trình hạ tầng thương mại nhất là các siêu thị, trung tâm thương mại thành phố Tuyên Quang.

Về du lịch quy hoạch và xây dựng khu du lịch lịch sử, văn hóa và sinh thái Tân Trào thành Khu du lịch Quốc gia, tập trung phát triển khu

du lịch sinh thái Na Hang và du lịch thành phố Tuyên Quang; xây dựng cơ sở lưu trú, khu nghỉ dưỡng, giải trí,... nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ như tài chính, ngân hàng, bưu chính, viễn thông, bảo hiểm...

Phát triển các lĩnh vực xã hội

Phát triển giáo dục - đào tạo thực hiện các giải pháp về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tăng cường liên kết đào tạo cả trong nước và quốc tế; tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học; đẩy mạnh phong trào xây dựng chuẩn quốc gia ở các ngành học, bậc học; tăng tỷ lệ học sinh trong độ tuổi các bậc học đến trường; thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo.

Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân cần nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho nhân dân, quan tâm đồng bào vùng sâu, vùng xa, các đối tượng chính khách; tăng cường chuyển giao các kỹ thuật mới; đào tạo, thu hút, nâng cao trình độ chuyên môn, trách nhiệm và ý thức của đội ngũ cán bộ y tế. Thực hiện tốt chính sách dân số, quan tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, người khuyết tật, bảo vệ và chăm sóc trẻ em; thực hiện bảo hiểm y tế người dân.

Văn hóa, thể dục thể thao gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng, phát triển văn hóa, con người với xây dựng củng cố hệ thống chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh; bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử, giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc gắn với phát triển du lịch đặc biệt khu di tích lịch sử quốc gia Tân Trào; phát triển thông tin, truyền thông đa dạng; đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao, rèn luyện thân thể; bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ vận động viên thể thao thành tích cao và vận động viên cấp kiện tướng.

Lao động, việc làm đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề; đẩy mạnh xã hội hóa dạy nghề, chú trọng đào tạo nghề với lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, vùng sâu, vùng

xa... mở rộng và phát triển thị trường lao động, tăng cường tìm kiếm các kênh thông tin về nhu cầu lao động xuất khẩu; phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị giảm còn 2,5% và đến năm 2025 giảm còn 2%.

Khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường cần chú trọng ứng dụng công nghệ sinh học, cơ giới hóa các vùng chuyên canh; đổi mới công nghệ sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm các cây trồng, vật nuôi có lợi thế; thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển bền vững và tăng trưởng xanh; triển khai quy hoạch khai thác và sử dụng khoáng sản, quy hoạch tài nguyên nước; bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học...; quy hoạch dự án xử lý rác thải tập trung, xử lý nước thải đô thị; xử lý cơ bản các cơ sở gây ô nhiễm môi trường; thực hiện các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

Về quốc phòng, an ninh xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh, tăng cường tiềm lực cho quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

Phát triển kết cấu, hạ tầng

Về giao thông đường bộ đầu tư xây dựng đường cao tốc nối thành phố Tuyên Quang với đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai; 2 tuyến đường dọc bờ sông Lô, cải tạo, nâng cấp các tuyến quốc lộ, đường Hồ Chí Minh... Triển khai xây dựng đường sắt Thái Nguyên - Tuyên Quang - Yên Bái. Về đường thủy xây dựng các tuyến vận tải thủy chính như tuyến sông Lô từ cảng Việt Trì - Ngã ba Lô Gâm Tuyên Quang cấp III... đầu tư 02 cảng sông cảng An Hòa, cảng thành phố Tuyên Quang...

Hệ thống cấp điện đẩy mạnh tiến độ xây dựng để hoàn thành các dự án thủy điện Yên Sơn, Thác Vàng; quy hoạch, cải tạo phát triển lưới điện trên toàn tỉnh, đặc biệt mở rộng lưới điện tới nông thôn, bản vùng chưa có điện; hoàn chỉnh hệ thống chiếu sáng công cộng ở thành phố Tuyên Quang, thị trấn, huyện lỵ.

Hệ thống cấp, thoát nước mở rộng phạm vi

và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước; bảo vệ và sử dụng hợp lý nguồn nước; đầu tư một số nhà máy sản xuất nước sạch... Về hệ thống thủy lợi nâng cao năng lực tưới và hạn chế thiệt hại do thiên tai, xây dựng, cải tạo các công trình hồ chứa đa năng; công trình kè sông đoạn qua các đô thị, chủ động các phương án ứng phó với biến đổi khí hậu.

Về định hướng tổ chức không gian lãnh thổ: Phát triển vùng núi phía Bắc bao gồm thị xã Na Hang, huyện Na Hang mới, huyện Chiêm Hóa... phát triển kinh tế - xã hội thực hiện giảm nghèo; đẩy mạnh sản xuất nông, lâm, nghiệp, chăn nuôi...; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, hệ thống cấp điện, cung cấp nước sạch... Vùng trung tâm gồm thành phố Tuyên Quang và vùng phục cận hình thành kết cấu hạ tầng đồng bộ đặc biệt là mạng lưới giao thông, thông tin liên lạc; phát triển mạng lưới chợ, hệ thống thương mại bán buôn, bán lẻ... Vùng phía Nam gồm huyện Sơn Dương, huyện Yên Sơn và huyện mới thành lập đẩy mạnh công nghiệp chế biến sâu khoáng sản, lâm sản; đầu tư, xây dựng, phát triển Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào; phát triển các khu công nghiệp nhất là khu công nghiệp Sơn Nam.

Về định hướng phát triển đô thị: Tập trung phát triển một số đô thị động lực theo hướng “một tâm, hai điểm”; xây dựng và phát triển thành phố Tuyên Quang là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, công nghiệp, dịch vụ, du lịch, đầu mối giao thông của tỉnh; xây dựng và phát triển các thị trấn theo quy hoạch; tập trung thực hiện chương trình phát triển nhà ở, đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội và nhà ở cho sinh viên, công nhân khu công nghiệp.

Các giải pháp huy động và sử dụng nguồn vốn đầu tư gồm nhu cầu tổng vốn đầu tư rất lớn ước tính khoảng 125 đến 135 nghìn tỷ đồng; sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương hợp lý, hiệu quả; kết hợp nguồn vốn doanh nghiệp, nhân dân và các thành phần kinh tế, bằng hình thức đối tác công - tư (PPP); huy động tốt

nguồn lực bên ngoài ODA, FDI, NGO...

Giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính bao gồm cải cách tổ chức bộ máy hành chính, các thủ tục hành chính; tạo môi trường bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh, UBND tỉnh.

Giải pháp về phát triển khoa học công nghệ bao gồm xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích phát triển khoa học, công nghệ; có chính sách đãi ngộ hợp lý đối với các cán bộ khoa học; thúc đẩy mạnh hơn việc đưa khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống; quy hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ.

Giải pháp phát triển nguồn nhân lực cần xây dựng và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực, chính sách việc làm, bảo hiểm, chính sách thu hút và đãi ngộ nhân tài; phát triển nhân lực theo hướng kiện toàn tổ chức bộ máy, đẩy mạnh phân cấp và hoàn thiện chính sách.

Giải pháp về hội nhập, hợp tác, xúc tiến đầu tư, liên kết phát triển cần chú trọng thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước; xây dựng định hướng đầu tư theo hướng xuất khẩu; tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận thông tin, thâm nhập và mở rộng thị trường; mở rộng liên kết phối hợp với các tỉnh, thành phố trong vùng KTTĐ Bắc Bộ và các tỉnh, thành phố khác.

Về tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh cần mở rộng và phát huy dân chủ, tạo sự đồng thuận xã hội; thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; thực hiện có hiệu quả chiến lược phòng, chống tội phạm, phòng chống ma túy... thực hiện các giải pháp kiểm chế tai nạn giao thông, nâng cao ý thức cảnh giác, tự giác tham gia bảo vệ an ninh, trật tự của các tầng lớp nhân dân.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG**Tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định về quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh**

Ngày 27 tháng 11 năm 2015, UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 4949/2015/QĐ-UBND về quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh.

Theo Quy định này, người được tham gia đấu giá quyền sử dụng đất gồm tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất.

Các điều kiện được đăng ký tham gia đấu giá gồm có đơn đề nghị tham gia đấu giá theo mẫu trong đó có nội dung cam kết khi trúng thầu phải sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch, đúng tiến độ; phải có đủ điều kiện về vốn, kỹ thuật và năng lực tài chính (có vốn thuộc sở hữu của mình không thấp hơn 20% tổng mức đầu tư với dự án có quy mô sử dụng đất dưới 20 ha; không thấp hơn 15% tổng mức đầu tư với dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 ha trở lên; có khả năng huy động vốn, có phương án đầu tư xây dựng khả thi, hiệu quả...); không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai; trong một gói đấu giá, một hộ gia đình chỉ được một cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tham gia đấu giá, một tổ chức chỉ được một đơn vị tham gia đấu giá; trường hợp liên danh đúng tên chung tham gia đấu giá, các nhà đầu tư phải có văn bản thỏa thuận, cam kết vốn tham gia liên doanh, quy định người đứng đầu, trách nhiệm chung và trách nhiệm của từng thành viên...

Quỹ đất để thực hiện đấu giá bao gồm đất sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng nhà ở

để bán hoặc cho thuê; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê; đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; cho thuê làm cơ sở hoạt động sự nghiệp, sản xuất, kinh doanh; đất để giao đất ở tại đô thị, nông thôn cho hộ gia đình, cá nhân; đất Nhà nước thu hồi do vi phạm pháp luật về đất đai, đất Nhà nước thu hồi do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật...

Điều kiện về thửa đất được tổ chức đấu giá gồm đã có kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện được UBND tỉnh phê duyệt; đất đã được giải phóng mặt bằng; có phương án đấu giá quyền sử dụng đất...

Thẩm quyền quyết định đấu giá quyền sử dụng đất bao gồm UBND tỉnh quyết định quỹ đất đưa ra đấu giá để giao đất có thu tiền sử dụng đất trên cơ sở đề nghị của UBND huyện, thị xã, thành phố. UBND cấp huyện quyết định quỹ đất đưa ra đấu giá bao gồm giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân với đất xen cư (đất nằm trong khu dân cư hoặc ít nhất có 01 mặt tiếp giáp với khu dân cư hiện có; quỹ đất nông nghiệp sử dụng bào mục đích công ích để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản...

Nguyên tắc đấu giá quyền sử dụng đất phải công khai, liên tục, khách quan, bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia, đúng trình tự, thủ tục; phải do đấu giá viên điều hành theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

Quyền và trách nhiệm của đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất bao gồm lựa chọn tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để ký hợp đồng thuê đơn vị thực hiện;

tham gia giám sát cuộc đấu giá; yêu cầu dừng đấu giá nếu có vi phạm; chuẩn bị hồ sơ của các thửa đất đấu giá, giá khởi điểm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; thông báo công khai việc thuê Tổ chức bán giá chuyên nghiệp; ký hợp đồng và thanh toán phí thực hiện đấu giá; ký hợp đồng thực hiện kết quả trúng đấu giá với người trúng đấu giá quyền sử dụng đất; nộp tiền thu của người tham gia đấu giá vào ngân sách nhà nước; báo cáo kết quả đấu giá về Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh chậm nhất 05 ngày làm việc sau mỗi phiên đấu giá.

Phương án đấu giá quyền sử dụng đất gồm các nội dung danh mục loại đất, vị trí, diện tích và hạ tầng kỹ thuật; mục đích, hình thức (giao đất hoặc cho thuê đất), thời hạn sử dụng của các thửa đất; dự kiến thời gian tổ chức đấu giá; đối tượng và điều kiện được tham gia đấu giá, mức phí tham gia; hình thức đấu giá; kinh phí, nguồn chi phí; dự kiến giá trị thu được; phương thức lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá; đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá, tiến độ nộp tiền sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền và trách nhiệm của đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá; quyền và nghĩa vụ của người tham gia đấu giá; thành phần hồ sơ tham gia đấu giá; xử lý vi phạm. Hình thức đấu giá quyền sử dụng đất gồm đấu giá trực tiếp bằng lời nói, bằng bỏ phiếu và các hình thức khác.

Đăng ký tham gia đấu giá như sau: Người được tham gia đấu giá thực hiện việc đăng ký và hoàn tất thủ tục trong thời hạn không quá 07 ngày; người được tham gia đấu giá quyền sử dụng đất phải nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất, nộp phí đấu giá, khoản tiền đặt trước cho đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất; người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất phải nộp phí tham gia đấu giá theo quy định của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa và không được hoàn trả lại; tiền đặt trước thu theo phương án đấu giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối

thiểu là 1% và tối đa không quá 15% giá khởi điểm của thửa đất đấu giá, người đăng ký tham gia đấu giá bao nhiêu gói thì nộp tiền đặt trước tương ứng với số gói tham gia đấu giá và phải nộp chậm nhất 02 ngày trước khi cuộc đấu giá chính thức tiến hành. Việc xác định điều kiện được nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá được tiến hành ngay sau khi hết hạn nộp hồ sơ, có sự chứng kiến của đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất, đại diện của Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Tư pháp đối với quỹ đất do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án đấu giá; đại diện của Phòng Tài nguyên và Môi trường và Phòng Tư pháp đối với quỹ đất do Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố phê duyệt phương án đấu giá. Chỉ được thông báo công khai danh sách những người không đủ điều kiện tham gia cuộc bán đấu giá, không được công khai danh sách những người đủ điều kiện đăng ký tham gia đấu giá đất trước thời điểm tổ chức cuộc bán đấu giá.

Phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận bàn giao hồ sơ và biên bản kết quả thực hiện cuộc bán đấu giá, đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá lập hồ sơ báo cáo cơ quan tài nguyên và môi trường để trình UBND cấp thẩm quyền ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất. Hồ sơ trình ban hành bao gồm tờ trình đề nghị công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất; dự thảo quyết định công nhận trúng đấu giá; quyết định đấu giá của UBND cấp có thẩm quyền; hợp đồng thuê tổ chức thực hiện phiên đấu giá; báo cáo về việc tổ chức thực hiện đấu giá; biên bản kết quả bán đấu giá. UBND cấp có thẩm quyền ký ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá gửi cơ quan tài nguyên và môi trường, đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá và người đã trúng đấu giá thửa đất. Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá gồm các nội dung căn cứ pháp lý để ban hành quyết định; vị trí, diện tích, mục đích, thời hạn

sử dụng đất và cơ sở hạ tầng; tên, địa chỉ người đã trúng đấu giá; số tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất và phương thức, thời gian nộp tiền trúng đấu giá; đơn vị thực hiện ký hợp đồng thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Quyền và nghĩa vụ của người trúng đấu giá bao gồm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo kết quả trúng đấu giá; có các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; người trúng đấu giá có nghĩa vụ nộp đầy đủ, đúng hạn tiền trúng đấu giá; người

trúng đấu giá phải thực hiện theo đúng các cam kết khi tham gia đấu giá và kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất; sử dụng đất đúng mục đích; tuân thủ theo quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng chi tiết hoặc các chỉ tiêu quy hoạch chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm tiến độ đầu tư xây dựng đã được quy định trong hồ sơ đấu giá...

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

**Xem toàn văn tại
(www.thanhhoa.gov.vn)**

Tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định về Quy chế phối hợp giữa các đơn vị có liên quan trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; đăng ký biến động đất đai và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh

Ngày 09 tháng 12 năm 2015, UBND tỉnh Gia Lai đã ban hành Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND về Quy chế phối hợp giữa các đơn vị có liên quan trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; đăng ký biến động đất đai và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh.

Theo Quyết định này, nguyên tắc phối hợp bao gồm nâng cao trách nhiệm của các cơ quan có liên quan, UBND các cấp trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi bên góp phần đẩy nhanh công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất... đồng thời đảm bảo các thủ tục hành chính được thực hiện đồng bộ, chặt chẽ, chính xác và đúng pháp luật; tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành; đảm bảo yêu cầu về thời hạn phối

hợp; xác định rõ nội dung và hình thức phối hợp giữa các cơ quan như phát hành văn bản (hoặc gửi hồ sơ) hoặc tổ chức họp lấy ý kiến; các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời (hoặc xác nhận) bằng văn bản theo thời hạn, nội dung đề nghị của cơ quan chủ trì, quá thời hạn trên mà không trả lời được xem như đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về nội dung được hỏi ý kiến. Thời gian thực hiện là số ngày làm việc theo chế độ, không tính thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, ngày tết được nghỉ theo quy định của pháp luật và không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất... Đối với các xã vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa thì thời gian thực hiện đối với từng loại thủ tục quy định tại quy chế này được tăng thêm 15 ngày.

Thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận lần đầu gồm các bước sau: Người sử dụng đất nộp

01 bộ hồ sơ theo quy định để làm thủ tục đăng ký; thời gian không quá 02 ngày làm việc, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai chuyển hồ sơ đến UBND cấp xã để xác nhận nội dung; trong thời gian 05 ngày làm việc, UBND cấp xã thực hiện các công việc gồm trường hợp đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất thì UBND cấp xã xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai đăng ký, hiện trạng tài sản gắn liền với đất so với nội dung kê khai đăng ký; trường hợp chưa có bản đồ địa chính thì trước khi thực hiện các công việc, UBND cấp xã phải thông báo cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trích đo địa chính thửa đất hoặc kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất do người sử dụng đất nộp (nếu có); Trường hợp đối với hồ sơ mà theo quy định của pháp luật phải niêm yết công khai thì niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở UBND cấp xã và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày. Trong thời gian không quá 09 ngày làm việc, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện các công việc gồm trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính thửa đất ở nơi chưa có bản đồ địa chính hoặc đã có bản đồ địa chính nhưng hiện trạng ranh giới sử dụng đất đã thay đổi hoặc kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất do người sử dụng đất nộp (nếu có); kiểm tra, xác nhận sơ đồ tài sản gắn liền với đất; kiểm tra hồ sơ đăng ký; xác minh thực địa trong trường hợp cần thiết; xác nhận đủ điều kiện hay không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không có giấy tờ hoặc hiện trạng tài sản có thay đổi so với giấy tờ thì gửi phiếu lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước đối với loại tài sản đó... Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định nghĩa vụ tài chính, thông báo nộp nghĩa vụ tài chính và gửi đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai trong thời gian không quá 03 ngày làm việc để chuyển

cho người sử dụng đất. Trong thời gian không quá 01 ngày làm việc sau khi người sử dụng đất nộp chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai chuẩn bị hồ sơ chuyển Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra. Thời gian không quá 02 ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, lập thủ tục trình UBND huyện, thị xã, thành phố ký Giấy chứng nhận. Thời gian không quá 01 ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và môi trường chuyển cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, thực hiện. Không quá 02 ngày làm việc, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm cấp số vào Sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận, cập nhật bổ sung việc cấp Giấy chứng nhận vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai và chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Thời gian không quá 02 ngày làm việc, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trao Giấy chứng nhận cho người được cấp.

Đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thì thời gian giải quyết không quá 30 ngày làm việc theo các bước sau: Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định; trong thời gian không quá 18 ngày làm việc Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện các công việc gồm Trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính thửa đất ở nơi chưa có bản đồ địa chính hoặc đã có bản đồ địa chính nhưng hiện trạng ranh giới sử dụng đất đã thay đổi; kiểm tra, xác nhận sơ đồ tài sản gắn liền với đất; kiểm tra hồ sơ đăng ký; xác minh thực địa trong trường hợp cần thiết; xác nhận đủ điều kiện hay không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không có giấy tờ hoặc hiện trạng tài sản có thay đổi so với giấy tờ quy định thì gửi phiếu lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước đối với loại tài sản đó; cập nhật thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào

hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; chuyển thông tin số liệu địa chính đến cơ quan thuế để xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính. Thời gian không quá 03 ngày làm việc, Cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định nghĩa vụ tài chính, thông báo nộp nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính. Thời gian không quá 02 ngày làm việc sau khi người sử dụng đất nộp chứng từ nghĩa vụ tài chính (đối với trường hợp thực hiện nghĩa vụ tài chính), Văn phòng Đăng ký đất đai hoàn tất hồ sơ trình Sở Tài nguyên và Môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra hồ sơ và ký hồ sơ trình UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận thời gian không quá 02 ngày làm việc. Thời gian không quá 03 ngày làm việc, UBND tỉnh ký giấy chứng nhận cấp mới và chuyển trả Sở Tài nguyên và Môi trường. Không quá 02 ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm cấp số vào Sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận, cập nhật bổ sung cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính và trả kết quả cho người sử dụng đất, thu phí, lệ phí theo quy định.

Đối với thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận bổ sung tài sản gắn liền với đất bao gồm đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam thì thời gian thực hiện không quá 20 ngày làm việc. Đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Thời gian giải quyết không quá 20 ngày làm việc.

Về thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận bị mất thì đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam, thời gian giải quyết không quá 30 ngày làm việc bao gồm các bước sau: Hộ gia đình và cá nhân phải khai báo với UBND cấp xã nơi có đất về việc bị mất Giấy chứng nhận, UBND cấp xã có trách nhiệm niêm yết thông báo mất Giấy chứng nhận tại trụ sở UBND cấp

xã, trừ trường hợp mất giấy do thiên tai, hỏa hoạn; sau 30 ngày, kể từ ngày niêm yết thông báo mất Giấy chứng nhận tại trụ sở UBND cấp xã người bị mất Giấy chứng nhận nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định; Trong thời gian không quá 01 ngày làm việc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai; trong thời gian không quá 20 ngày làm việc, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; trong thời gian không quá 05 ngày làm việc Văn phòng Đăng ký đất đai kiểm tra hồ sơ lập thủ tục trình Sở Tài nguyên và Môi trường ký quyết định hủy Giấy chứng nhận bị mất, đồng thời ký cấp lại Giấy chứng nhận và chuyển kết quả về cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai; trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ trả Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất.

Đối với thủ tục đăng ký biến động do tặng cho, thừa kế, chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam thì thời gian giải quyết không quá 10 ngày làm việc.

Thủ tục Cấp đổi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng thì đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam thì thời gian thực hiện thủ tục không quá 10 ngày làm việc bao gồm các bước người sử dụng đất nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định để làm thủ tục đăng ký; trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tiến hành kiểm tra hồ sơ, xác nhận vào đơn đề nghị về lý do cấp đổi Giấy chứng nhận, cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu địa chính; trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ do chi nhánh chuyển

đến, Văn phòng Đăng ký đất đai kiểm tra, trình Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, ký Giấy chứng nhận và chuyển kết quả về Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai; sau khi nhận được kết quả, trong 01 ngày làm việc, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quét lưu Giấy chứng nhận và chuyển Giấy chứng nhận đến Bộ phận

tiếp nhận và trả kết quả để trao cho người sử dụng đất.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.gialai.gov.vn)

Nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu chế tạo phụ gia sản xuất than cục ép sử dụng trong lò khí hóa than”

Ngày 14/1/2016 tại Trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị nghiệm thu các kết quả của đề tài “Nghiên cứu chế tạo phụ gia sản xuất than cục ép sử dụng trong lò khí hóa than”, mã số RD121-13 do Viện Vật liệu xây dựng thực hiện. Chủ tịch Hội đồng - ThS. Nguyễn Công Thịnh - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường Bộ Xây dựng chủ trì Hội nghị.

Thay mặt nhóm nghiên cứu, ThS. Nguyễn Minh Quỳnh đã trình bày báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện đề tài. Theo đó, mục tiêu của đề tài là nghiên cứu bài phối liệu làm phụ gia kết dính để sản xuất than cục ép từ than cám để sử dụng cho các lò khí hóa than, thay thế phụ gia nhập khẩu; xây dựng quy trình công nghệ phối trộn phụ gia nghiên cứu và hướng dẫn sử dụng.

Trên cơ sở khảo sát nhu cầu thực tiễn của các cơ sở sử dụng than cục ép (than quả bàng) trong lò khí hóa đang sử dụng các phụ gia kết dính nhập khẩu đồng thời tiến hành các nghiên cứu phối liệu trong phòng thí nghiệm, nhóm đề tài đã xác lập được công nghệ phối trộn chất kết dính đảm bảo các yêu cầu để sản xuất than cục ép từ than cám dùng cho các lò khí hóa than.

Qua các nghiên cứu, phân tích trong phòng thí nghiệm, nhóm đề tài đã lựa chọn ra một số phụ gia phù hợp cho sản xuất than cục ép như: bentonit, chất liên kết phốt phát (chất kết dính vô cơ), PVA và rỉ mật (chất kết dính hữu cơ) với tỷ lệ phối trộn tối ưu bentonit 74%, PVA 20% và chất liên kết phốt phát 6%, tỷ lệ sử dụng phụ gia là 4% so với khối lượng than cám 3b. Với bài phối trộn này, than cục ép đã đạt được các tính năng kỹ thuật cần thiết về nhiệt trị, cường độ ban đầu và các yêu cầu về tro xỉ sau khi cháy hết. Than cục ép sử dụng phụ gia nghiên cứu qua thử nghiệm đã đáp ứng yêu cầu sử dụng cho lò khí hóa than.

Từ các kết quả nghiên cứu trong phòng, nhóm đề tài đã tiến hành sản xuất thử tại Công



Toàn cảnh Hội nghị

ty cổ phần Prime Phổ Yên. Dây chuyền công nghệ khí hóa than của Công ty Prime có công suất 125 tấn than/ ngày, công suất máy ép là 10 tấn than/ giờ. Việc sản xuất thử nghiệm 02 tấn than cục ép được chia thành 2 đợt. Đợt 1 sản xuất 01 tấn để khảo sát sự phù hợp khi đưa công thức phối liệu từ quy mô phòng thí nghiệm sang quy mô pilot. Đợt 2 sản xuất 01 tấn có điều chỉnh thông số công nghệ để chất lượng than đạt kết quả tối ưu. Sản phẩm than cục ép sử dụng phụ gia nghiên cứu được sử dụng tại Công ty Prime cho thấy về cơ bản không ảnh hưởng gì đến hiệu suất đốt của toàn bộ quá trình, hiệu suất khí hóa đạt yêu cầu.

Đánh giá cao nỗ lực của nhóm nghiên cứu, các phản biện và chuyên gia của Hội đồng đều nhất trí về ý nghĩa và mục tiêu của đề tài góp phần tạo ra sản phẩm phụ gia cho sản xuất than cục ép sử dụng cho các cơ sở sản xuất sử dụng nhiên liệu khí hóa than, giảm giá thành sử dụng nhiên liệu, thay thế phụ gia nhập khẩu. Nhóm nghiên cứu đã hoàn thành cơ bản yêu cầu đặt ra cho đề tài, khối lượng công việc lớn bao gồm cả nghiên cứu trong phòng và sản xuất thử nghiệm ở quy mô pilot. Tuy nhiên, trong báo cáo đề tài còn có những sai sót cần chỉnh sửa cũng như cần viết rõ hơn, như vấn đề cơ sở khoa học của việc lựa chọn nguyên liệu làm phụ gia, khuyến cáo điều kiện khống chế đối với nguyên liệu bentonit và than cám, so

sánh hiệu quả kinh tế với phụ gia nhập khẩu...

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu Nguyễn Công Thịnh đồng tình với các ý kiến góp ý của phản biện và Hội đồng, đề nghị chủ nhiệm đề tài và nhóm tác giả tiếp thu. Bên cạnh đó, Chủ tịch Hội đồng cũng yêu cầu nhóm đề tài bổ sung thêm phân tích về kinh nghiệm trong và ngoài nước về phụ gia cho chế tạo than cục ép; cơ sở khoa học của việc lựa chọn nguyên liệu và các chỉ tiêu kiểm soát chất lượng sản phẩm than cục ép sử dụng phụ gia

nghiên cứu; soát xét các chỉ tiêu đánh giá kết quả thử nghiệm; xây dựng quy trình công nghệ phối trộn phụ gia vào than cám; bổ sung đánh giá môi trường khi sử dụng phụ gia này...

Kết quả của đề tài “Nghiên cứu chế tạo phụ gia sản xuất than cục ép sử dụng trong lò khí hóa than” đã được Hội đồng thông qua với kết quả xếp loại Khá.

Minh Tuấn

Nghiệm thu 02 Dự thảo tiêu chuẩn Việt Nam về mặt dựng kính

Ngày 15/1/2016, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu Dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) “Mặt dựng kính - Độ kín nước - Phân loại yêu cầu kỹ thuật & phương pháp thử” (mã số TC 79-13), và “Mặt dựng kính - Độ lọt khí - Phân loại yêu cầu kỹ thuật & phương pháp thử” (mã số TC 80-13) do Trung tâm Tư vấn kỹ thuật thương mại (Hiệp hội Kính & Thủy tinh Việt Nam) chủ trì biên soạn. TS. Lê Trung Thành - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Thuyết minh về việc xây dựng các tiêu chuẩn, thay mặt nhóm biên soạn, TS. Kiều Lê Hải cho biết: Trong vòng hai thập kỷ gần đây, việc sử dụng mặt dựng kính làm kết cấu bao che trong các dự án công trình/tòa nhà cao tầng đã trở nên phổ biến tại Việt Nam. Lượng kính sử dụng đang tăng dần và có thể chiếm tới 20% (hoặc hơn) giá trị của toàn bộ công trình xây dựng. Thời gian gần đây, các cao ốc có mặt bao hoàn toàn bằng kính (như Keangnam Landmark tại Hà Nội, hoặc Tháp tài chính Bitexco tại Tp. Hồ Chí Minh) xuất hiện ngày càng nhiều.

Về các sản phẩm kính được sử dụng làm các mặt dựng cho công trình, Việt Nam hiện nay mới chỉ sản xuất được các loại kính thông



TS. Lê Trung Thành chủ trì cuộc họp nghiệm thu thường (kính nổi, kính dán, kính cán, kính hộp, một số loại kính trang trí). Còn các loại kính tiết kiệm năng lượng như kính low-e, kính phản quang... phần lớn là nhập khẩu từ các nước trong khu vực (Trung Quốc, Malaysia) và thị trường châu Âu.

Trong các quy định mặt dựng kính tiêu chuẩn của thế giới, độ kín nước và độ lọt khí là hai đặc tính kỹ thuật rất quan trọng. Việc lọt nước qua mặt dựng vào bên trong công trình sẽ dẫn đến ngưng tụ nước ở bên trong khi điều kiện thời tiết xấu (độ ẩm cao). Lọt nước và ngưng tụ còn làm suy giảm chất lượng kết cấu mặt dựng, qua một thời gian sẽ gây nấm mốc, ảnh hưởng tới bầu không khí bên trong. Còn sự lọt khí sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hệ thống điều hòa không khí và hệ thống sưởi ấm trong

tòa nhà/ công trình. Trong điều kiện thời tiết xấu, sự lọt khí có thể là nguyên nhân đọng sương trong kết cấu; về lâu dài sẽ phá hỏng vật liệu, cấu kiện xây dựng.

Theo TS. Hải, việc thử nghiệm các chỉ tiêu liên quan đến độ kín nước và độ lọt khí được chủ đầu tư và tư vấn rất quan tâm. Tuy nhiên, hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam liên quan đến kết cấu kính hoặc sử dụng kính trong các công trình xây dựng tới nay vẫn chưa có quy định nào về yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử cho các tính năng nêu trên. Do đó, việc xây dựng các tiêu chuẩn là cần thiết.

Qua nghiên cứu, so sánh với điều kiện áp dụng tại Việt Nam, nhóm biên soạn đã lựa chọn các tiêu chuẩn BS EN 12154:2002 (Mặt dựng kính - Độ kín nước - Yêu cầu kỹ thuật và phân loại), BS EN 12155:2000 (Mặt dựng kính - Độ kín nước - Phương pháp thử trong phòng thí nghiệm dưới áp lực tĩnh) làm cơ sở chính để biên soạn dự thảo tiêu chuẩn về độ kín nước; và BS EN 12152:2002 (Mặt dựng kính - Độ lọt khí - Yêu cầu kỹ thuật và phân loại), BS EN 12153:2000 (Mặt dựng kính - Độ lọt khí - Phương pháp thử) để biên soạn dự thảo tiêu chuẩn về độ lọt khí. Về cơ bản, nhóm biên soạn

tổng hợp và chuyển dịch phần nội dung chính các tiêu chuẩn trên, kết hợp chỉnh sửa một số tài liệu tham chiếu cho phù hợp tình hình thực tế và dễ áp dụng.

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá cao tính cấp thiết của các tiêu chuẩn. Hội đồng cũng đóng góp nhiều ý kiến về cách chuyển ngữ và Việt hóa các thuật ngữ; về bố cục, trình bày của các Dự thảo cho đúng với quy định của văn bản tiêu chuẩn Việt Nam.

Kết luận cuộc họp, TS. Lê Trung Thành hoàn toàn nhất trí với Hội đồng, nghiệm thu các Dự thảo tiêu chuẩn với kết quả xếp loại khá. TS. Thành cũng lưu ý nhóm biên soạn nhanh chóng hoàn chỉnh các Dự thảo có tiếp thu các ý kiến đóng góp của Hội đồng, để các tiêu chuẩn sớm được Bộ Xây dựng đề nghị Bộ Khoa học & Công nghệ ban hành, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng cao về mặt dựng kính trong các công trình xây dựng hiện đại của nước ta, đồng thời đáp ứng nhu cầu hội nhập của hệ thống tiêu chuẩn - quy chuẩn xây dựng của Việt Nam với các nước trong khu vực cũng như thế giới.

Lê Minh

Nghiệm thu Dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam “Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép từ bê tông silicat - Tiêu chuẩn thiết kế”

Ngày 20/1/2016, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu Dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam “Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép từ bê tông silicat - Tiêu chuẩn thiết kế” do Viện Khoa học công nghệ xây dựng thực hiện. TS. Hoàng Quang Nhu - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Thay mặt cho nhóm biên soạn, ông Lê Minh Long - Chủ nhiệm đề tài đã trình bày sự cần thiết cũng như các căn cứ để xây dựng dự thảo tiêu chuẩn. Theo ông Long, hệ thống TCVN hiện tại đang dựa chủ yếu vào hệ thống tiêu

chuẩn Nga. Hiện nay, Việt Nam mới chỉ có “TCVN 5574:2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế” được chuyển dịch từ SNIP 2.03.01-84. Tuy nhiên, chưa có tiêu chuẩn dành riêng cho kết cấu sử dụng bê tông silicat với những đặc thù của nó. Việc dựa trên SNIP 2.03.02-86 hoàn toàn phù hợp với TCVN 5574:2012. Ở Nga có tiêu chuẩn thiết kế kết cấu bê tông và bê tông làm từ bê tông silicat SNIP 2.03.02-86 (là tiêu chuẩn phát triển từ SNIP 2.03.01-84 với những đặc thù của bê tông silicat). Hiện nay, theo kế hoạch của Nga, tiêu chuẩn này đang được chuyển thành SP

95.13330 để đồng bộ hóa với SP 63.13330.2012 về thiết kế kết cấu bê tông. Vì vậy, việc biên soạn tiêu chuẩn riêng cho thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép sử dụng bê tông silicat dựa trên cơ sở các nội dung của tiêu chuẩn Nga SNIP 2.03.02-86 là cần thiết. Nhóm biên soạn cũng đã thu thập các tiêu chuẩn trong nước và nước ngoài (Nga) có liên quan đến nội dung của tiêu chuẩn SNIP 2.03.02-86, đồng thời lựa chọn các nội dung phù hợp để biên soạn thành nội dung tiêu chuẩn áp dụng cho Việt Nam, phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 5574:2012.

Tiêu chuẩn này dùng để thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép được làm từ bê tông silicat đặc chắc dùng cốt liệu đặc chắc và làm việc dưới tác động có hệ thống của nhiệt độ trong phạm vi từ -70°C đến 50°C . Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép làm từ bê tông silicat có khối lượng thể tích trung bình (ở trạng thái làm khô tới khối lượng không đổi) 1700 kg/m^3 và lớn hơn, sử dụng để xây dựng nhà sản xuất, nhà phụ trợ và các công trình công nghiệp và nông nghiệp, nhà ở và nhà công cộng. Khi thiết kế các kết cấu làm từ bê tông nói trên làm việc trong các điều kiện sử dụng đặc biệt (khi có tác động động đất, trong môi trường có mức độ xâm thực lên kết cấu bê tông và bê tông cốt thép, trong các điều kiện độ ẩm nâng cao và tương tự) phải tuân thủ các yêu cầu bổ sung đối với các kết cấu này phù hợp với các tiêu chuẩn tương ứng.

TCVN...:201... “Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép từ bê tông silicat - Tiêu chuẩn thiết kế” được xây dựng với đầy đủ các nội dung cơ bản: tên gọi, phạm vi áp dụng, tài liệu viện dẫn, thuật ngữ và định nghĩa, ký hiệu và các thông số, các chỉ dẫn chung, vật liệu cho bê tông và bê tông cốt thép, tính toán các cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép theo các trạng thái giới hạn thứ nhất, tính toán các cấu kiện bê tông cốt thép theo các trạng thái giới hạn thứ hai, các yêu cầu



TS. Hoàng Quang Nhu phát biểu kết luận Hội nghị cấu tạo, phụ lục. Trong quá trình biên soạn, nhóm cũng đã tìm hiểu và điều chỉnh các đường dẫn sang và tới các điều tương ứng TCVN 5573:2011 và TCVN 5574:2012, cũng như tới các tiêu chuẩn Việt Nam khác liên quan.

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá cao tính cần thiết và ý nghĩa thực tế của đề tài, cũng như sự nghiêm túc, phương pháp tiến hành công việc rất khoa học của nhóm biên soạn. Để dự thảo tiêu chuẩn được hoàn thiện, Hội đồng đã đóng góp một số ý kiến về các nội dung nên bổ sung, nghiên cứu chỉnh sửa thêm cho đúng; một số câu chữ, thuật ngữ cũng được kiến nghị rà soát, chỉnh sửa sao cho sát nghĩa và Việt hóa; bổ sung ghi chú, sửa lỗi chính tả; đồng ý việc điều chỉnh tên đề tài khi thêm chữ “đặc chắc” cho phù hợp với phiên bản gốc tiếng Nga; phần phụ lục nên được giữ lại và cần được hiệu đính cho hợp lý.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng - TS. Hoàng Quang Nhu nhất trí với toàn thể Hội đồng, đồng thời lưu ý nhóm tác giả tiếp thu các ý kiến đóng góp để hoàn thiện Dự thảo.

Đề tài đã được nghiệm thu với kết quả xếp loại Xuất sắc.

Kim Nhạn

Nghiệm thu đề tài Nghiên cứu sử dụng rác thải làm nhiên liệu thay thế trong công nghiệp sản xuất xi măng ở Việt Nam

Ngày 21/1/2016 tại Hà Nội, Hội đồng KH-CN Bộ Xây dựng đã tổ chức cuộc họp nghiệm thu đề tài Nghiên cứu sử dụng rác thải làm nhiên liệu thay thế (NLTT) trong công nghiệp sản xuất xi măng ở Việt Nam. Đề tài do nhóm tác giả thuộc Tổng Công ty xi măng Việt Nam (VICEM) thực hiện. TS Lê Trung Thành - Vụ trưởng Vụ KH-CN và Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Tại cuộc họp, đại diện nhóm tác giả báo cáo nội dung dự thảo đề tài, trong đó nêu lên sự cần thiết phải tiến hành nghiên cứu, sử dụng rác thải làm NLTT trong công nghiệp sản xuất xi măng ở Việt Nam. Vì hiện nay, trong đời sống xã hội và sản xuất công nghiệp của nước ta, hàng ngày phát sinh ra một lượng chất thải khổng lồ gây ô nhiễm môi trường sống của người dân. Do đó, việc xử lý lượng chất thải phát sinh mỗi ngày để đảm bảo vệ sinh môi trường là nhiệm vụ cấp thiết đối với toàn xã hội. Nhiều nghiên cứu cho thấy nguồn chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt tiềm tàng khả năng cung cấp nhiệt làm NLTT, dạng vật chất của tro sau khi đốt phù hợp với nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất xi măng.

Ngoài ra, việc sử dụng chất thải làm NLTT còn góp phần bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng. Vì vậy, đối với ngành công nghiệp sản xuất xi măng nói chung và Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM) nói riêng, việc tận dụng nguồn nhiên liệu từ chất thải sẽ góp phần đáng kể vào thay thế một phần nhiên liệu truyền thống trong sản xuất xi măng, tiết kiệm chi phí đầu vào, hạ giá thành sản phẩm, tạo sự cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường.

Mục tiêu của đề tài nhằm xây dựng các giải pháp công nghệ kỹ thuật để sử dụng rác thải làm NLTT trong hệ thống lò quay xi măng ở Việt



Toàn cảnh cuộc họp

Nam với mục đích tiết kiệm nhiên liệu và bảo vệ môi trường, đồng thời kiến nghị các cơ chế, chính sách trong việc đốt rác thải. Chất thải được lựa chọn là chất thải công nghiệp và sinh hoạt đáp ứng tiêu chí về nhiệt trị, có thể phân loại, thu gom, phù hợp với quá trình sử dụng của các lò nung clinker tại các nhà máy xi măng.

Hiện nay trên thế giới, đã có nhiều tập đoàn sản xuất xi măng lớn có chính sách sử dụng chất thải NLTT để sản xuất xi măng. Đối với thị trường trong nước, một số nhà máy xi măng như Tam Điệp, Bỉm Sơn, Hoàng Thạch... đã chủ động đốt một phần rác thải của nhà máy như giẻ lau dính dầu, bóng đèn neon, rác thải (đã phân loại)... để đảm bảo vấn đề môi trường. Ví dụ như ở công ty xi măng Holcim Việt Nam - một trong những đơn vị đi đầu tích cực sử dụng NLTT, các loại phế thải trấu, giấy da... được sử dụng triệt để.

Phát biểu tại Hội nghị nghiệm thu, các chuyên gia phản biện cũng như các ủy viên của Hội đồng đều đánh giá rất cao tính khoa học, tính thực tiễn của đề tài. Tuy nhiên, Hội đồng góp thêm một số ý kiến với nhóm tác giả về cách trình bày như thiếu bảng biểu, bảng liệt kê, hình vẽ, cần bổ sung thêm nguồn trích dẫn số liệu, các số liệu đánh giá chưa có tính cập nhật...

Kết luận cuộc họp, chủ tịch Hội đồng - TS Lê Trung Thành nhất trí với ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng và đề nghị nhóm tác giả tiếp thu đầy đủ các ý kiến đóng góp đó để làm cơ sở hoàn thiện báo cáo đề tài.

Đề tài được Hội đồng nghiệm thu với kết quả đạt loại Xuất sắc.

Mai Anh

Nghiệm thu Dự thảo TCVN về công trình năng lượng hạt nhân

Ngày 21/1/2016, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu Dự thảo TCVN “Thép cốt bê tông - Mối nối bằng liên kết cơ khí trong xây dựng, cải tạo và sửa chữa lớn công trình năng lượng hạt nhân - Yêu cầu chung” do nhóm tác giả thuộc Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng (IBST) chủ trì biên soạn. TS. Hoàng Quang Nhu - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Trình bày về công tác nghiên cứu và biên soạn Dự thảo, TS. Vũ Đình Luyện (IBST) cho biết: Trong xây dựng ở Việt Nam hiện nay, nối chồng cốt thép (nối buộc, nối hàn) là phương pháp truyền thống. Song đối với kết cấu bê tông cốt thép chất lượng cao, cốt thép đường kính lớn hơn 20 mm, phương pháp hàn và buộc khó áp dụng. Lý do là việc truyền lực trong cốt thép bị gián đoạn, và gián đoạn trong bê tông do các thanh thép nối với nhau không đồng tâm; khó đảm bảo chiều dài nối chồng theo quy định; khả năng chịu lực không tốt; đoạn nối chồng mật độ cốt thép chiếm nhiều không gian nên bê tông khó điền đầy không gian kết cấu. Trong khi đó, phương pháp nối cốt thép bằng ống có ren khắc phục được hầu hết các hạn chế nêu trên, và phổ biến tại rất nhiều quốc gia trên thế giới.

Theo TS. Luyện, hiện nay, công nghệ này đã được áp dụng cho rất nhiều dự án trọng điểm trong nước như các cao ốc thương mại, các dự án cầu đường... Hiện tại, Việt Nam đã có 02 tiêu chuẩn quốc gia về nối cơ khí cốt thép - đó là TCVN 9390:2012 “Thép cốt bê tông -



Toàn cảnh cuộc họp

Mối nối bằng dập ép ống - Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu”, và TCVN 8163:2009 “Thép cốt bê tông - Mối nối bằng ống ren”. Tuy nhiên, cả hai tiêu chuẩn này đều chưa đề cập được hết các loại liên kết cơ khí nối thép cốt bê tông nhập vào Việt Nam, đặc biệt là cốt thép đường kính lớn hơn 20 mm với yêu cầu cấu tạo đặc biệt để phục vụ cho các công trình đòi hỏi cao về chất lượng mối nối như các công trình năng lượng nguyên tử. Với các dự án nhà máy điện hạt nhân sẽ được triển khai ở Ninh Thuận trong thời gian tới đây, việc có một tiêu chuẩn chuyên môn là hết sức cần thiết.

Trên cơ sở tiêu chuẩn gốc của Nga CTO CPO C 60542960 00011 - 2012 “Yêu cầu đối với liên kết cơ khí cho cốt thép của kết cấu bê tông cốt thép trong thi công xây dựng, cải tạo và sửa chữa lớn các công trình sử dụng năng lượng nguyên tử”; các tác giả đã tổng hợp, chọn lọc và chuyển dịch các nội dung cơ bản phù hợp với điều kiện Việt Nam, kết hợp với việc lựa chọn tham khảo các tiêu chuẩn ACI 318-83 (tiêu chuẩn Mỹ), BS 8110-85 (tiêu chuẩn Anh),

DIN 1045-88 (tiêu chuẩn Đức) có liên quan để bổ sung tư liệu, xây dựng Dự thảo TCVN. Dự thảo tiêu chuẩn có bố cục hoàn chỉnh của một văn bản tiêu chuẩn gồm phạm vi áp dụng, thuật ngữ định nghĩa, các yêu cầu kỹ thuật, tài liệu tham khảo. Riêng phần phạm vi áp dụng, các tác giả nghiên cứu, biên dịch theo tiêu chuẩn gốc, có sửa đổi cho hai mác thép cốt tương đương của Việt Nam là CB400-V, CB500-V (theo TCVN 1651-2 :2008) để thay thế cho ba mác thép cốt của Nga là A500C, A400C và A400; đường kính thép cốt từ 12 - 40 mm. Về cơ bản, cơ cấu tổng thể của Dự thảo theo tiêu chuẩn gốc, bao gồm đầy đủ 04 phương pháp liên kết cơ khí nối thép cốt bê tông cùng với các yêu cầu chi tiết cơ cấu thống nhất cho cả 04 phương pháp (nối thép cốt bê tông bằng ống ren; nối thép cốt bê tông bằng ống ren trụ theo

phương pháp cán ren trực tiếp; thép cốt có gân dạng ren; thép cốt thông thường). Trong phần tài liệu viện dẫn, ngoài lựa chọn một số tiêu chuẩn của Nga phù hợp, nhóm cũng nghiên cứu thay thế bằng 02 tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4681:1989 “Ren ống hình trụ” và TCVN 4631:1988 “Ren ống hình côn”.

Nhận xét về Dự thảo, các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá cao nỗ lực và chuyên môn của nhóm tác giả, phương pháp xây dựng tiêu chuẩn khoa học và bài bản. Hội đồng cũng đóng góp một số ý kiến về thuật ngữ, định nghĩa, về lỗi chính tả... để giúp các tác giả hoàn thiện Dự thảo tiêu chuẩn.

Hội đồng nhất trí nghiệm thu Dự thảo với kết quả xếp loại Xuất sắc.

Lệ Minh

Nghiệm thu dự thảo TCVN Kết cấu thép xây dựng - Chế tạo và kiểm tra chất lượng

Ngày 21/1/2016, tại Hà Nội, Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng tổ chức cuộc họp nghiệm thu dự thảo TCVN Kết cấu thép xây dựng - Chế tạo và kiểm tra chất lượng, do nhóm tác giả thuộc Viện Khoa học công nghệ xây dựng (Bộ Xây dựng) thực hiện.

Ông Hoàng Quang Nhu - Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Tại cuộc họp, đại diện nhóm tác giả - PGS.TS Nguyễn Võ Thông nêu lên sự cần thiết cũng như mục tiêu của việc biên soạn TCVN Kết cấu thép xây dựng - Chế tạo và kiểm tra chất lượng, đó là nhằm biên soạn một bộ TCVN có nội dung đầy đủ, khắc phục được những tồn tại của TCXDVN 170:1989, áp dụng thuận tiện và dễ dàng trong thực tiễn cuộc sống.

Ngoài ra, TCVN Kết cấu thép xây dựng - Chế tạo và kiểm tra chất lượng còn nhằm đồng bộ hóa hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, nhất là các tiêu chuẩn có liên quan đến:



Quang cảnh buổi họp

Thiết kế, vật liệu, hàn, sơn... TCVN Kết cấu thép xây dựng - Chế tạo và kiểm tra chất lượng đưa ra các yêu cầu chung đối với công tác chế tạo tại nhà máy và kiểm tra chất lượng kết cấu thép xây dựng trong nhà và công trình công nghiệp, nhà ở và nhà công cộng. Các yêu cầu trong tiêu chuẩn này khuyến khích áp dụng cho các xí nghiệp, tổ chức, doanh nghiệp, không phân biệt loại hình sở hữu, thực hiện chế tạo kết cấu thép cũng như với tổ chức giám sát.

Dự thảo đề tài đề cập hầu hết và cụ thể các nội dung liên quan đến Kết cấu thép xây dựng, như nghiệm thu thiết kế, kiểm tra vật liệu đầu vào, bảo quản thép cán, vật liệu hàn, sơn, chuẩn bị thép, vật liệu hàn và sơn trước khi đưa vào sản xuất, đánh dấu, chế tạo khuôn mẫu và vật dưỡng khoan, cắt và gia công cơ khí khi chế tạo các chi tiết, tạo lỗ cho liên kết lắp dựng bằng bu lông, uốn chi tiết, làm bệ đầu thép hộp và thép ống, lắp ráp kết cấu bằng liên kết hàn, hàn, lắp ráp thử và lắp ráp tổng thể, bảo vệ chống ăn mòn, dán nhãn kết cấu, vận chuyển, nghiệm thu...

Sau khi nghe đại diện nhóm tác giả trình bày dự thảo đề tài, các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng đã đưa ra những nhận xét, góp ý giúp nhóm tác giả hoàn thiện dự thảo.

Đánh giá về dự thảo đề tài TCVN Kết cấu thép xây dựng - Chế tạo và kiểm tra chất lượng, thay mặt Hội đồng nghiệm thu Bộ Xây dựng, ông Hoàng Quang Nhu cho biết, dự thảo đã được nhóm tác giả trình bày một cách công phu, chất lượng, có nhiều nội dung đổi mới, phù hợp thực tế hiện nay giúp thay thế hiệu quả TCXDVN 170:1989.

Để hoàn thiện đề tài, TS Hoàng Quang Nhu góp ý nhóm tác giả cần chú trọng biên tập câu chữ cho phù hợp, bổ sung những thông tin đã được các chuyên gia phản biện, thành viên Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng góp ý tại buổi họp.

Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng nhất trí nghiệm thu đề tài với kết quả xếp loại Xuất sắc

Trần Đình Hà

Nghiệm thu đề tài khoa học & công nghệ của Trường Đại học Xây dựng

Ngày 22/1/2016, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu phương pháp tính toán kết cấu thép cầu trục theo hướng tự động hóa thiết kế tối ưu” do PGS.TS Phạm Quang Dũng - Phó Hiệu trưởng, Trưởng bộ môn Máy xây dựng (Đại học Xây dựng) làm chủ nhiệm đề tài. TS. Hoàng Quang Nhu - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng là Chủ tịch Hội đồng.

Trình bày tóm tắt sự cần thiết của đề tài, nội dung và phương pháp thực hiện, PGS. TS. Phạm Quang Dũng cho biết: Cầu trục là loại thiết bị nâng quan trọng, được sử dụng rất phổ biến ở nước ta. Đây là sản phẩm chính của nhiều doanh nghiệp cơ khí trong nước (phần kết cấu thép thiết kế chế tạo trong nước, các cơ cấu chính của cầu trục hiện nay đều nhập khẩu). Việc thiết kế sản phẩm cơ bản theo kinh nghiệm hoặc theo mẫu có sử dụng các phần mềm chuyên dụng của các hãng cung cấp thiết

bị; tuy nhiên còn nhiều hạn chế tồn tại: tính hợp lý của kết cấu chưa được chú trọng; mức độ tự động hóa trong thiết kế thấp nên hiệu quả chưa cao... Tất cả những vấn đề này dẫn đến sự thiếu chủ động trong tính toán thiết kế, giảm tính cạnh tranh của sản phẩm, gia tăng chi phí sản xuất. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, xu hướng tự động hóa thiết kế và thiết kế tối ưu là cần thiết nhằm tìm ra phương án kết cấu hợp lý, tiết kiệm vật tư, hạ giá thành sản phẩm, rút ngắn thời gian, nâng cao hiệu quả sản xuất, đáp ứng yêu cầu thực tế một cách chủ động (thiết kế thẩm định, báo giá...).

Theo TS. Dũng, nhu cầu thực tế hiện nay đối với các loại cầu trục có sức nâng lớn hoặc khẩu độ lớn phục vụ những ngành công nghiệp đóng tàu, xây dựng thủy lợi - thủy điện... rất cao. Các loại cầu trục loại này thường có kích thước dầm trục lớn và yêu cầu về độ ổn định của kết cấu rất nghiêm ngặt, đặc biệt đối với thành đứng của dầm cầu trục. Chính vì vậy, khi

tính toán tối ưu các cầu trục loại này - ngoài các điều kiện thông thường như điều kiện bền, điều kiện độ cứng, điều kiện ổn định tổng thể - còn cần xét cả điều kiện về độ ổn định cục bộ của thành đứng và điều kiện công nghệ chế tạo. Các thông số tối ưu - ngoài các thông số mô tả tiết diện dầm - cần xem xét cả các thông số hình học mô tả điều kiện đảm bảo ổn định cục bộ.

Thực hiện đề tài, nhóm tác giả đã xác định rõ đối tượng và phạm vi nghiên cứu (kết cấu thép cầu trục; phổ biến nhất trên thị trường nội địa là cầu trục 1 dầm và 2 dầm dạng hộp loại đặt trên ray); tiến hành nghiên cứu tổng quan về cấu tạo cầu trục; phân tích hiệu quả của từng giai đoạn trong quá trình sản xuất và lắp đặt cầu trục; phân tích các phương pháp tính toán, thiết kế với sự trợ giúp của máy tính, phương pháp thiết kế tối ưu. Trên cơ sở đó, nhóm xây dựng phương pháp tính toán thiết kế thép cầu trục theo hướng tự động hóa thiết kế và thiết kế tối ưu; xây dựng chương trình máy tính theo phương pháp tính toán thiết kế đã đề xuất. Sản phẩm của đề tài, ngoài báo cáo tổng hợp còn có phần mềm tính toán kết cấu thép cầu trục và thiết kế tối ưu, cùng bộ bản vẽ thiết kế thép cầu trục thử nghiệm tạo bởi phần mềm tính toán thiết kế. Phần mềm với tên gọi SOC - NUCE và DOC - NUCE có thể sử dụng một cách độc lập (dữ liệu đầu vào và đầu ra, tính toán nội lực, ứng suất, xây dựng thuyết minh...), đồng thời có thể tận dụng được các tính năng của các phần mềm CAD/CAM trong thực tế (thiết kế theo mô hình 3D, thiết kế theo tham số).

Với phương pháp và chương trình SOC - NUCE, DOC - NUCE, nhóm đã thiết kế thử



Toàn cảnh cuộc họp

nghiệm hai cầu trục; trong đó một cầu trục đã được chế tạo và đưa vào phục vụ sản xuất, cầu trục còn lại đã được cơ quan chức năng thẩm định và kết luận hồ sơ thiết kế đủ điều kiện an toàn để tiến hành chế tạo.

Các báo cáo phản biện cũng như ý kiến của các thành viên khác trong hội đồng đều đánh giá cao tính ứng dụng của đề tài, phương pháp thực hiện đề tài khoa học, thể hiện tâm huyết và chuyên môn cao của các tác giả.

Đồng tình với kết quả ứng dụng thực tế, đại diện các trường Đại học Giao thông, Đại học Kiến trúc, Học viện Kỹ thuật Quân sự cho rằng kết quả của đề tài đã làm tăng đáng kể hiệu quả công tác thiết kế do sử dụng phần mềm để rút ngắn thời gian thiết kế, và thực hiện thiết kế tối ưu làm giảm chi phí vật liệu rõ rệt. Đề tài đáp ứng kịp thời chủ trương nội địa hóa của Chính phủ đối với các sản phẩm cơ khí nói chung và thiết bị nâng nói riêng.

Đề tài đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu với kết quả xếp loại Xuất sắc.

Lệ Minh

Công nghệ xây nhà nhanh của CHLB Nga

Trong khuôn khổ chương trình quốc gia “Nhà ở dành cho gia đình Nga” - với mục đích cơ bản là hỗ trợ các đối tượng công dân khác nhau có cùng nhu cầu cải thiện điều kiện sống; gia tăng khối lượng nhà ở được xây dựng tại

Liên bang Nga; nâng cao khả năng tiếp cận nhà ở thông qua biện pháp giảm giá thành mỗi mét vuông diện tích sàn - mới đây, tại thành phố Penza (Liên bang Nga), dự án khu đô thị mới “Những khu hồ sạch” đã được triển khai

xây dựng, trong đó có khu chung cư 71 tầng cùng nhiều công trình hạ tầng xã hội khác.

Sự đổi mới là trong dự án này, toàn bộ các công trình để ở được áp dụng công nghệ mới đang trong quá trình thử nghiệm trước khi đưa vào xây dựng đại trà (xây dựng công nghiệp) nhà ở xã hội trên phạm vi toàn Liên bang – công nghệ xây nhà lưu động. Nhiệm vụ đặt ra cho những người tham gia dự án là cần kết hợp các đặc điểm mới trong thiết kế đô thị, nhận diện rõ các khó khăn có thể phát sinh đối với từng công trình xây dựng cụ thể, và đề xuất các ý tưởng về tổ chức không gian công cộng một cách tối ưu, và thiết lập môi trường sống tiện nghi tại khu đô thị mới này. Và đặc biệt - tạo điểm nhấn cho những ngôi nhà đơn lập cũng như các căn hộ chung cư cho các công dân có mức thu nhập bình thường trong xã hội.

Có thể nói, diện mạo các đô thị hiện đại của Liên bang Nga hiện nay được định hình từ nền xây dựng thời kỳ Xô viết. Là vấn đề cấp thiết trong thời kỳ đó, cho tới nay, nhà ở vẫn là một trong những nguyên nhân gia tăng áp lực xã hội. Mật độ xây dựng ngày càng dày đặc khiến môi trường sống mất dần tính tiện nghi, nhu cầu cải thiện điều kiện ở của người dân thành thị ngày càng bị bó hẹp. Trong bối cảnh đó, công nghệ xây nhà nhanh nhưng vẫn đảm bảo nét riêng trong từng thiết kế của Tập đoàn Quốc gia “Dự án nhà xã hội”, thông qua dự án khu đô thị mới “Những khu hồ sạch” đã thu hút sự quan tâm lớn của xã hội. Các chuyên gia của Tập đoàn đã rất nỗ lực vượt qua việc lặp lại những bài học thiếu tính tích cực từ những công trình nhà ở xây dựng kiểu mẫu thời kỳ Xô viết.

Công nghệ xây dựng đại trà nhà ở xã hội dạng tiết kiệm nhờ các tổ hợp sản xuất lưu động, kết hợp với việc ứng dụng công nghệ BIM trong thiết kế các kết cấu không theo tiêu chuẩn (phần mềm Precast Software Engineering GmbH - CHLB Đức) đã được đội ngũ chuyên gia của Cơ quan tín dụng nhà ở thể chấp bất động sản - chi nhánh tại Penza cùng

nhà quản lý dự án ứng dụng thành công.

Tính năng của phần mềm này là hỗ trợ các nhà máy bê tông cốt thép sản xuất các cấu kiện bê tông cốt thép đúc sẵn đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu về thiết kế, phân tích cấu trúc và hiệu quả kinh tế. Công nghệ của Đức đã được chuyển giao, nghiên cứu và vận dụng bằng nguồn lực tự có của Tập đoàn. Trên diện tích xây dựng vài chục ha, trong vòng 04 tháng, công nghệ xây nhà lưu động đã được triển khai thực hiện - đó là tổ hợp sản xuất tại chỗ và lắp ghép các khối nhà bằng bê tông cốt thép. Công suất sản xuất của tổ hợp đạt 3 - 6 nghìn m² sàn nhà ở mỗi tháng. Sau khi hoàn thành thi công xây lắp, tổ hợp có thể di chuyển sang mặt bằng mới để tiếp tục thi công xây dựng (nên còn gọi là tổ hợp lưu động). Ngoài trừ các mạch vữa bê tông, tổ hợp lưu động hoàn toàn được các chuyên gia trong nước nghiên cứu và chế tạo. Mặt bằng để triển khai công nghệ này và diện tích các khu vực lân cận (dành cho các công trình, hạng mục hạ tầng cơ sở) cần tối thiểu 3500 m². Công suất sản xuất của tổ hợp lưu động và mặt bằng xây dựng có thể thay đổi tùy theo yêu cầu của công tác đồng bộ hóa, và phụ thuộc vào diện tích mặt bằng và thời hạn thi công.

Tổ hợp lưu động được thực hiện bằng biện pháp lắp ghép nên toàn bộ quy trình sản xuất có thể được thực hiện trên “mặt bằng sạch”. Tập đoàn đã nghiên cứu sản xuất giá đỡ chuyên dụng dành cho các tấm panel bê tông cốt thép có chỉ số sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả khá cao, và các cấu kiện kính - nhựa, kính - nhôm khác. Các sản phẩm bê tông cốt thép, nhờ ứng dụng hệ thống cốp pha nam châm (cốp pha từ tính) có thể được sản xuất với mọi kích cỡ khác nhau, khuôn hình khác nhau, cho phép đưa những thiết kế phức tạp về mặt kiến trúc vào thực hiện trong thực tế. Ưu điểm nổi bật nhất của công nghệ xây dựng quay vòng cực kỳ nhanh này là bỏ qua việc áp dụng các cơ chế máy móc nhằm đơn giản hóa toàn bộ quy trình. Theo ông V.V. Bochkarev - Tổng

Giám đốc Cơ quan tín dụng nhà ở thể chấp bất động sản chi nhánh tại Penza, khi chế tạo và xây dựng nhà tường tấm panel, các giải pháp xây nhà theo khuôn mẫu sẽ không được áp dụng nữa; thay vào đó, những ngôi nhà mới, tiện nghi hơn, nhiều tính năng hơn và có thể thay đổi thiết kế sau này theo mong muốn của người sử dụng sẽ được xây dựng. Thư viện lưu trữ các thiết kế được thành lập, qua đó tạo khả năng lựa chọn và tổng hợp bất cứ môi trường sống nào với đầy đủ các tính chất tiện nghi theo yêu cầu của khách hàng (người sử dụng).

Trên mặt bằng thi công tổ hợp lưu động, toàn bộ các chi tiết, các loại sản phẩm bê tông cốt thép cần thiết cho công tác lắp dựng nhà đều được sản xuất tại chỗ, bao gồm cả các tấm trần, vách ngăn bên trong và các panel mặt dựng ba lớp (sử dụng bông khoáng bazan làm lớp cách nhiệt ở giữa). Vào mùa đông, những tấm panel cấu trúc như vậy sẽ duy trì nhiệt rất hữu hiệu, còn về mùa hè - ngược lại, sẽ giúp ngăn nhiệt thấm vào bên trong các căn phòng. Do đó, trong mỗi căn hộ, bầu không khí trong lành, mát mẻ luôn được duy trì. Để mang lại vẻ sinh động cho mặt tiền các ngôi nhà, một số loại matit và vữa trát được sử dụng cho phép thực hiện công tác hoàn thiện với các chất liệu khác như gỗ, đá, gạch nung. Công nghệ tổ hợp lưu động - về nguyên tắc - được áp dụng khi xây nhà ở có giá trị cao, nhưng nhờ nhiều yếu tố khác giúp giảm giá thành xây dựng, nên việc ứng dụng công nghệ này vào xây dựng đại trà các nhà ở xã hội là hoàn toàn khả thi.

Các chi tiết, phụ kiện đều có độ bền cao để có thể tháo ra khỏi các giá đỡ trong vòng 12 giờ đồng hồ. Kết cấu panel mặt dựng có thể dễ dàng thay đổi tùy theo khu vực khí hậu. Bề mặt của các tấm tường panel và tấm trần chỉ yêu cầu vệ sinh ở mức tối thiểu, do chế phẩm làm ra hầu như đã sẵn sàng cho công tác lắp ghép. Thiết kế về mặt kiến trúc - xây dựng là một cấu phần quan trọng không thể tách rời khi áp dụng biện pháp xây dựng công nghiệp (xây

dựng đại trà) để thực hiện dự án này.

Khi áp dụng các tổ hợp sản xuất - lắp ghép lưu động, việc tập hợp các hồ sơ thiết kế, bổ sung các phần của thiết kế với các bản vẽ cho từng sản phẩm (còn gọi là bộ sưu tập các kết cấu bê tông cốt thép) là một khâu quan trọng. Trung bình, mỗi tổ hợp nhà được "cấu thành" từ gần 2000 bản vẽ kỹ thuật cho toàn bộ các sản phẩm chi tiết. Nếu không áp dụng tiêu chuẩn thời hạn nghiên cứu các bản vẽ, thì thời gian sẽ bị kéo dài. Biện pháp công nghiệp thực hiện các dự án xây dựng đòi hỏi việc nâng cao các yêu cầu về tính đúng đắn, không có sai sót nào đối với hồ sơ thiết kế. Bất cứ một chi tiết thiếu chính xác nào trong các bản vẽ kỹ thuật cũng sẽ được thể hiện khi tiến hành xây lắp, và trong nhiều trường hợp đã đưa đến việc thời gian thực hiện các thiết kế trên thực tế bị kéo dài.

Giải pháp cho vấn đề này là việc đào tạo đội ngũ kỹ sư và các nhà thiết kế chuyên nghiệp, và ứng dụng hệ thống thiết kế tự động hóa trên nền công nghệ BIM. Nhiệm vụ đặt ra cho nhóm thiết kế là thống nhất các số liệu ban đầu để thiết kế tòa nhà từ các chế phẩm riêng biệt vào trong một mô hình không gian ba chiều để phục vụ việc nghiên cứu tiếp theo các bản vẽ kỹ thuật về các chi tiết sản phẩm.

Một ngôi nhà có diện tích sàn trung bình 75 m² có thể được xây lắp trong vòng 48 giờ đồng hồ; các kết cấu của ngôi nhà được thiết kế chỉ trong 1 - 2 ngày, và không gian bên trong căn nhà này có thể biến đổi, mở rộng thêm, song song với nhu cầu gia tăng thành viên của một gia đình trẻ. Tiềm năng của công nghệ cũng như sự quan tâm của các chủ đầu tư, chủ công trình đối với công nghệ này là rất lớn. Việc nghiên cứu các giải pháp về mặt công nghệ và thiết kế, tính toán giá trị kinh tế và kiểm tra các chỉ tiêu đầu ra được tiến hành định kỳ với mục tiêu hoàn thiện và đạt được các giá trị căn bản, giảm giá thành xây dựng mà không làm giảm chất lượng của công trình. Công nghệ BIM của Precast Software Engineering GmbH đã được

ứng dụng vào thực hiện dự án khu đô thị mới “Những khu hồ sạch”, cho phép nhà thiết kế có thể thực hiện việc thiết kế một ngôi nhà với nhiều lối ra vào, và diện tích tới 1500 m² chỉ trong vòng một tháng, kèm theo hoàn thiện các chi tiết cần thiết trong toàn bộ thiết kế.

Một trong những giải pháp căn bản để thực hiện dự án trên cơ sở tổ hợp sản xuất - lắp ghép lưu động là tính linh hoạt trong sản xuất. Nói một cách khác, mỗi sản phẩm trong căn nhà đều riêng biệt; mỗi ngôi nhà đều là một công trình hoàn hảo. Năng lực sản xuất, công nghệ xây dựng và các tính năng của chương trình phần mềm Allplan Precast cho phép thực hiện thi công tại bất cứ mặt bằng nào, với địa hình và tính chất đất nền khác nhau hoàn toàn. Các yếu tố bảo đảm tốc độ cực nhanh và không phạm sai sót trong khâu thiết kế, được tích hợp trong công nghệ BIM của Allplan Precast là: Tự động phân tách mô hình kiến trúc thành các sản phẩm; tự động hóa trong công việc mô hình hóa chi tiết các sản phẩm; tự động đọc các bản vẽ kỹ thuật về sản phẩm và tự động in phần đọc này, cũng như các thông số cần thiết để dựa vào đó từng sản phẩm riêng biệt sẽ được đưa vào quy trình sản xuất tự động hóa hoàn toàn.

Trên khu đất rộng 46 ha, khu nhà ở cao 71 tầng với diện tích sử dụng hơn 120 nghìn m² đang trong quá trình hoàn thiện; cùng với hai nhà trẻ, trường học và một số công trình hạ tầng xã hội khác. Năng lực sản xuất của tổ hợp còn cho phép sản xuất (chi tiết, cấu kiện) và thực hiện xây lắp khu chung cư ba tầng với 27 căn hộ trong vòng 15 ngày (không kể thời gian hoàn thiện) cũng trong khu đô thị mới “Những

khu hồ sạch”. Tốc độ sản xuất và thi công xây lắp cho phép giảm đáng kể giá thành toàn bộ các căn hộ trong chung cư và các ngôi nhà đơn lập thuộc dự án.

Việc xây lắp được tiến hành gần như từ móng, không cần sử dụng kho bãi nhờ việc kết nối hoàn hảo giữa nhà thiết kế, nhà sản xuất và nhà xây dựng.

Với thành công của dự án khu đô thị mới ngoại ô thành phố Penza, một lần nữa sự cần thiết ứng dụng các biện pháp công nghiệp vào thi công xây dựng nhà ở tiện nghi có mức giá hợp lý đã được khẳng định. Sự góp mặt của công nghệ xây nhà lưu động cùng một lúc giải quyết hai nhiệm vụ là thổi luồng gió mới vào lĩnh vực xây dựng công nghiệp và góp phần hiện thực hóa chương trình “Nhà ở dành cho gia đình Nga” trong thời gian ngắn nhất có thể. Allplan Precast được lập trình theo các nguyên tắc mô hình hóa của công nghệ BIM sẽ bảo đảm tốc độ thi công nhanh, chuẩn mực thông qua các yếu tố lắp ghép được sản xuất sẵn. Các yếu tố, các sản phẩm với cấu hình riêng biệt giờ đây có thể được thiết kế, sản xuất và được sử dụng một cách cực kỳ kinh tế; bởi các yếu tố, các chi tiết này đã mở ra những khả năng mới để thể hiện những phong cách kiến trúc riêng khi xây dựng đại trà các công trình nhà ở .

**A.A Kalinichenko – KTS trưởng của
Tập đoàn “Dự án nhà xã hội”**

*Nguồn: Tạp chí Quý đạo Xây dựng Nga
tháng 9/2015*

ND: Lê Minh

Công nghệ Nano xây dựng nên một thế giới nước hoàn mỹ

Công nghệ Nano là ngành khoa học phát triển nhanh chóng từ đầu những năm 1980 của thế kỷ trước, nó giúp nhận thức của con người cũng như trình độ cải tạo thế giới vi mô được

nâng lên một tầm cao mới. Do vật liệu Nano mang nhiều tính chất đặc thù cho nên nó được cho là kỹ thuật mang tính quyết định và có tiền đồ nhất thế giới hiện nay.

Những năm gần đây, cùng với sự mở rộng ứng dụng của kỹ thuật Nano, lĩnh vực xử lý và làm sạch nguồn nước cũng đã dần dần thu hút sự coi trọng của các chuyên gia trong ngành. Cùng với sự đẩy mạnh tốc độ toàn cầu hóa, tiến trình đô thị hóa, công nghiệp hóa phát triển nhanh chóng, các vấn đề về nước trong phạm vi toàn cầu ngày càng trở nên bức thiết, nguồn nước không ngừng bị ô nhiễm nghiêm trọng, vấn đề làm sạch nguồn nước trở thành một vấn đề lớn mà con người đang phải đối mặt.

1. Kỹ thuật Nano thôi thúc sự đổi thay trong kỹ thuật khử trùng nước thải

Phương pháp khử trùng cho nước tái sinh hoặc nước trong kênh xả truyền thống, ví dụ như khử trùng bằng Chlorine, khử trùng bằng Chlorine Dioxide, khử trùng bằng tia tử ngoại, khử trùng bằng Ozone... tính an toàn chưa cao, vận chuyển và tích trữ dễ gây ra các sự cố rò rỉ và cháy nổ; khi cần xây dựng cơ sở hạ tầng xử lý lớn cần chiếm dụng một lượng lớn tài nguyên đất; đầu tư cho thiết bị đắt đỏ, đầu tư nguồn kinh phí lớn cho cơ sở hạ tầng xử lý nước; khi sử dụng phương pháp hóa học để tiến hành xử lý, cần cho thêm các chất hóa học, hơn nữa đa số các chất hóa học có tính ăn mòn, trong quá trình xử lý sẽ tạo ra các sản phẩm phụ; khi cần thay đổi định kỳ các ống đèn tử ngoại, không những chi phí vận hành cao mà công tác bảo trì sau này cũng phức tạp.

Ngoài ra, tại Điều 1 “Kế hoạch hành động phòng trừ ô nhiễm nguồn nước” của Quốc Vụ viện Trung Quốc đã chỉ rõ “kiểm soát toàn diện việc phát thải các chất ô nhiễm”, “tăng cường xử lý ô nhiễm sinh hoạt tại các thành phố và thị trấn”, đồng thời xác định rõ yêu cầu “cơ sở hạ tầng xử lý nước thải đô thị” tại các khu vực miễn cảm (như khu vực sông hồ trọng điểm, hồ chứa trọng điểm, lưu vực vùng nước ven biển) cần đạt tiêu chuẩn thoát xả A cấp độ I toàn diện vào cuối năm 2017. Thành phố có chất lượng nguồn nước không đạt tiêu chuẩn loại IV của nguồn nước mặt thì cơ sở hạ tầng xử lý nước

thải cần phải thi hành tiêu chuẩn thoát xả A cấp độ I. Hiện tại, nước thải tại các nhà máy nước thải đô thị của Trung Quốc đa số chỉ đạt tiêu chuẩn thoát xả B cấp độ I, còn chỉ tiêu quan trọng được đưa ra là chỉ tiêu vi sinh vật: “Fecal Coliforms/ Coliforms phân phải đạt 103 cá thể/lít trở xuống” (Coliforms phân hay E. Coli giả định là một thành phần của hệ vi sinh vật đường ruột ở người và các động vật máu nóng khác và được sử dụng để chỉ thị mức độ vệ sinh trong quá trình chế biến, bảo quản, vận chuyển thực phẩm, nước uống cũng như để chỉ thị sự ô nhiễm phân trong mẫu môi trường. Sự có mặt của E.Coli trong nước chứng tỏ nguồn nước đã bị ô nhiễm bởi phân rác, chất thải của người và động vật cũng như khả năng tồn tại các loại vi trùng gây bệnh khác). Khi sử dụng các phương thức truyền thống như khử trùng bằng Chlorine, khử trùng bằng Chlorine Dioxide, khử trùng bằng tia tử ngoại khó có thể đạt tới tiêu chuẩn thoát xả A cấp độ I, còn nếu sử dụng phương thức khử trùng bằng Ozone tuy có thể đạt tiêu chuẩn thoát xả A cấp độ I nhưng đầu tư cho thiết bị lại rất lớn, chi phí vận hành cao, không khả thi về mặt kinh tế.

Kỹ thuật khử trùng bằng điện phân xúc tác Nano (NEC, Nano Catalytic Electrolysis) ra đời đã giải quyết được những vấn đề tồn tại của kỹ thuật khử trùng truyền thống và kỹ thuật điện giải hiện có bằng việc sử dụng Titan làm bảng mạch của vật liệu điện cực, đi tiên phong trong việc vận dụng các oxit kim loại quý làm kỹ thuật và thiết bị NCE kiểu mới cho lớp phủ xúc tác cực dương. Thiết bị này có hiệu suất điện cao, giải quyết được các vấn đề hiện tại như chênh lệch điện thế cao khi điện giải, hiệu suất dòng điện quá thấp, bất hợp lý về mặt kinh tế, không thể ứng dụng rộng rãi. Kỹ thuật khử trùng bằng NCE là kỹ thuật khử trùng điện giải hiệu quả tiết kiệm năng lượng cao nhất và tiên tiến nhất hiện nay. Với các ưu thế như quá trình xử lý gene an toàn sinh thái, kết cấu cơ bản đơn giản gọn gàng..., kỹ thuật này đã nhận được sự ưa

chuyện của người sử dụng.

Kỹ thuật khử trùng bằng điện phân xúc tác Nano có thể thay thế hiệu quả cho công nghệ khử trùng truyền thống bằng phương pháp loại trừ các loại vi sinh vật như vi khuẩn, mầm bệnh ... có trong nước, nó không những giảm thiểu chi phí xử lý, tiêu diệt vi khuẩn nhanh chóng, triệt để, vận hành bảo trì đơn giản, diện tích chiếm dụng đất nhỏ mà còn có thể làm giảm nồng độ, sắc độ và độ đục của chất hữu cơ trong nước đầu ra. Trong trường hợp nước đầu ra có độ trong suốt khá thấp, không thích hợp sử dụng tia tử ngoại để khử trùng thì có thể sử dụng kỹ thuật này.

Khi so sánh với các kỹ thuật khử trùng nguồn nước khác, kỹ thuật khử trùng NCE có những ưu thế dưới đây:

- Tốc độ phản ứng điện cực rất nhanh, điện giải 30S có thể loại trừ trên 99,9% các vi sinh vật và ức chế sự sinh trưởng của chúng. Khi lợi dụng kỹ thuật này để tiến hành khử trùng cho nước đầu ra hoặc nước tái sinh tại các nhà máy xử lý nước thải, chỉ tiêu vi sinh vật chất lượng nước lần lượt đạt yêu cầu “Quy phạm thiết kế công trình tận dụng tái sinh nước thải - Tiêu chuẩn kiểm soát chất lượng nước tại đô thị” (GB 50335-2002) và yêu cầu tiêu chuẩn loại A cấp độ I trong “Tiêu chuẩn thoát xả chất ô nhiễm tại các nhà máy xử lý nước thải đô thị” (GB18918-2002).

- Sử dụng kỹ thuật và thiết bị NCE tiến hành khử trùng cho nước đầu ra hoặc nước tái sinh tại các nhà máy xử lý nước thải không làm tăng hoặc giảm chất điện giải.

- Công suất thiết bị có thể căn cứ theo nhu cầu để điều tiết, đặc biệt thích hợp với nguồn nước đầu vào có sự giao động lớn về chất lượng nước hay khử trùng cho nước tái sinh hoặc nước sau xử lý có độ đục cao.

- Thể tích thiết bị nhỏ, tuổi thọ vận hành dài, mức độ tự động hóa cao, lắp đặt, thao tác và bảo trì đơn giản.

- An toàn và tiết kiệm năng lượng, chi phí vận hành thấp, không sản sinh ô nhiễm thứ cấp.

- Khi tiến hành khử trùng nước tái sinh hoặc nước sau xử lý với kỹ thuật và thiết bị NCE có thể đồng thời giúp làm sạch nước thải, loại trừ COD và làm giảm sắc độ, đặc biệt thích hợp sử dụng cho việc xử lý tại các nhà máy xử lý nước thải.

2. Nguyên lý Kỹ thuật điện phân xúc tác Nano (NEC, Nano Catalytic Electrolysis)

Máy điện phân xúc tác Nano khi tiến hành xử lý có thể sản sinh một lượng lớn các gốc tự do có hoạt tính hóa học mạnh mẽ như Cl⁻, H⁻, -OH... và có khả năng tạo ra những tác dụng dưới đây:

- Vi sinh vật phân giải oxy hóa (mầm bệnh, vi khuẩn, tảo đơn bào, bào tử tảo đa bào, giao tử) có nhóm gốc hoạt tính axit amin gây ra tổn thương protein hóa học, dẫn đến cái chết của các vi sinh vật.

- Chuỗi bên gồm các axit béo polyenoic photophospholipid tấn công màng tế bào gây ra sự suy thoái nhanh chóng của axit béo polyenoic, dẫn đến Lipid Peroxide của màng tế bào và tế bào bị tổn thương từ đó chết đi.

- Gây ra tự sát mang tính chủ động cho tế bào - quá trình suy giảm tế bào.

- Khiến tế bào bị vỡ và chết đi.

- Phá vỡ sự ổn định về chuyển hóa bên trong tế bào, ngăn cản sự dẫn truyền tín hiệu của tế bào.

Thông qua những tác dụng trên đây để nhanh chóng giết chết các vi sinh vật có trong nước.

Thành quả nghiên cứu về điện cực xúc tác Nano với bảng mạch bằng Titan, các hợp chất như Irit (Ir), Rô đi (Rh), Ruthenium (Ru), Rê ni (Re)... làm lớp phủ ngoài, trải qua trình tự tăng nhiệt, hình thành nên lớp phủ oxit có tính trơ, từ đó tạo nên các ưu điểm như tính ổn định tốt về mặt hóa học và hoạt tính xúc tác điện, tuổi thọ sử dụng lâu, điện thế làm việc thấp, mật độ dòng điện cao, hiệu suất điện cao...

Thiết bị được phân thành dạng điện giải trực tiếp và điện giải gián tiếp. Căn cứ theo nhu cầu có thể trực tiếp điện giải khử trùng cho nước đầu ra/ nước sau xử lý hoặc khi dung dịch chất điện giải sản sinh ra chất có tính oxy hóa mạnh

rồi mới tiến hành khử trùng cho hỗn hợp nước tái sinh/ nước đầu ra.

Thành quả này có rất nhiều ưu điểm như mức độ tự động hóa cao, hiệu quả tiêu diệt vi khuẩn tốt, chi phí vận hành thấp, tính thực dụng cao (không bị ảnh hưởng bởi độ đục), tính an toàn cao, toàn quá trình được kiểm soát tự động hóa, vận hành bảo trì đơn giản, diện tích đất

chiếm dụng nhỏ, chất lượng nguồn nước đầu ra đáp ứng chỉ tiêu vệ sinh.

Từ Nhã Linh

Nguồn: Tạp chí Xây dựng và Kiến trúc

Trung Quốc, số 17/2015

ND: Kim Nhạn

Biện pháp thi công công trình xanh và xu thế phát triển tại Trung Quốc

I. Hiện trạng phát triển thi công công trình xanh tại Trung Quốc

Nhìn chung, đại đa số các doanh nghiệp tại Trung Quốc chỉ chú trọng vào các mục tiêu như hợp đồng, bản vẽ, yêu cầu kỹ thuật, kế hoạch hạng mục, dự toán hạng mục... mà không vận dụng các kỹ thuật tiên tiến, các kỹ thuật mới để xem xét đầy đủ về sự phát triển bền vững của công tác thi công. Kỹ thuật thi công xanh vẫn chưa được ứng dụng đầy đủ cùng với sự vận dụng các kỹ thuật mới, các phương pháp quản lý mới.

II. Những thể hiện cụ thể trong thi công công trình xanh

1. Tiết kiệm tài nguyên trong thi công

Tiết kiệm các tài nguyên hoặc năng lượng như điện, nước, vật liệu..., nâng cao hiệu quả tận dụng các nguồn tài nguyên và vật liệu, giảm chi phí vận hành thông thường cho hạng mục. Vật liệu nên sử dụng tại chính vùng bản địa, lựa chọn loại vật liệu thi công xanh, bảo vệ môi trường, lượng vật liệu sử dụng trong phạm vi 500 km quanh khu vực thi công chiếm trên 70% tổng lượng vật liệu xây dựng, các cơ sở hạ tầng tạm thời tại hiện trường cần lựa chọn loại vật liệu có thể sử dụng lặp lại. Trong khi thi công, cần giảm thiểu lượng xi măng sử dụng trong bê tông và vữa cát, đồng thời tận dụng các loại vật liệu mới khác như bột tro, xỉ, chất phụ gia..., lựa chọn các vật liệu tái sử dụng có tính bền, có khả năng bảo vệ và thuận tiện khi tháo dỡ.

2. Biện pháp tiết kiệm năng lượng

Ưu tiên sử dụng các thiết bị và công cụ máy móc thi công tiết kiệm năng lượng, có hiệu quả cao, bảo vệ môi trường, không sử dụng các thiết bị, công cụ và sản phẩm thi công mà pháp luật nghiêm cấm sử dụng. Trong các tổ chức thi công, cần bố trí hợp lý trình tự thi công, khu vực thi công nhằm giảm thiểu số lượng công cụ máy móc tại một khu vực tác nghiệp. Ngoài ra, cần định kỳ giám sát và kiểm soát tình hình tận dụng năng lượng của các loại thiết bị hao tổn năng lượng trọng điểm đồng thời tiến hành ghi chép số liệu để tiện theo dõi.

3. Giảm thiểu ô nhiễm đối với môi trường xung quanh

Trước khi thi công, các tuyến đường chủ đạo trong khu vực thi công cần được dọn sạch, đồng thời cần tiến hành quy hoạch xấp xếp hợp lý các con đường trong khu vực thi công, vị trí để vật liệu, khu vực gia công..., những nơi này cần có nền đất được đầm chặt, các vật liệu dễ bị bay, bị gió làm phân tán hoặc vật liệu hạt nhỏ cần được lưu trữ kín.

4. Tận dụng các tài nguyên có thể tái chế

Tận dụng các loại tài nguyên có thể tái chế là phương pháp quan trọng tiết kiệm tài nguyên, cũng là xu thế phát triển hiện nay. Tại khu vực thi công, xây dựng hệ thống thu hồi rác thải, tiến hành phân loại xử lý rác thải, tập trung thu gom và vận chuyển định kỳ. Các loại đất, đá, sỏi... có thể sử dụng để làm lớp nền hoặc dùng

để lấp đất làm nền đường... Những biện pháp này không chỉ giảm thiểu vật liệu thi công mà còn có thể giảm chi phí vận chuyển, chôn lấp rác thải cho doanh nghiệp, nâng cao thu nhập cho doanh nghiệp.

III. Đẩy mạnh các biện pháp kỹ thuật thi công công trình xanh

1. Nỗ lực tuyên truyền thi công xanh

Hiện tại, rất nhiều người có nhận thức chưa cao về thi công xanh, có người chưa coi trọng bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng trong quá trình thi công, thờ ơ đối với các loại tiếng ồn, khói bụi hay các vật thể có hại... sản sinh từ quá trình thi công. Điều quan trọng trong thực hiện thi công xanh là cần phải đẩy mạnh tuyên truyền, thông qua tuyên truyền, đào tạo hiệu quả để nâng cao ý thức môi trường trong phát triển bền vững cho nhân viên thi công và các nhân viên thực hiện dự án, nâng cao ý thức về thi công xanh cho cả người lao động và người quản lý.

2. Hoàn thiện quản lý thi công xanh

Các doanh nghiệp thi công cần thiết lập chế độ trách nhiệm thi công xanh để mọi tầng lớp trong xã hội cùng tham gia và giám sát. Doanh nghiệp cũng cần xây dựng hệ thống quản lý thi công xanh, đề ra các chế độ quản lý và mục tiêu thi công xanh tương ứng, đồng thời cần chuyển đổi từ thích ứng bị động sang hưởng ứng chủ động nhằm thực hiện thi công xanh một cách quy phạm, có trật tự. Doanh nghiệp cũng cần vận dụng các chỉ tiêu đánh giá kỹ thuật thi công xanh để làm căn cứ đánh giá công trình, tạo môi trường vận hành tốt đẹp cho công tác thi công xanh.

3. Xây dựng hệ thống đánh giá thi công công trình xanh

“Tiêu chuẩn đánh giá thi công xanh trong

công trình xây dựng” được coi là căn cứ quan trọng để triển khai đánh giá công trình xanh tại Trung Quốc. Tiêu chuẩn này có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá sự phát triển bền vững của ngành xây dựng Trung Quốc. Doanh nghiệp cần hoàn thiện hệ thống đánh giá, xác định rõ chức năng trong phương diện quản lý xã hội của chính quyền, đồng thời cần vận dụng hiệu quả việc bố trí dự toán, cơ cấu, phương pháp làm việc, chế độ đánh giá nhân viên... trong quản lý xã hội của các cơ quan quản lý nhà nước để có biện pháp thưởng phạt rõ ràng trong thi công xanh.

4. Đẩy mạnh sáng tạo trong thi công công trình xanh

Cơ cấu tổ chức và thể chế quản lý xanh hoàn thiện có tác dụng nâng cao mục tiêu quản lý hạng mục, giúp việc thi công xanh được triển khai chi tiết tới từng phân đoạn. Trên cơ sở này, doanh nghiệp cần thiết lập người chỉ đạo hạng mục, phân công chi tiết đội ngũ quản lý và nhân công để xác định rõ chức năng làm việc và triển khai công việc nhanh chóng. Đối với các vật liệu và phế thải xây dựng, cần tiến hành phân loại lưu trữ, thu gom và tận dụng. Nước thải và nước mưa cần có thiết bị thu gom, nước thu được sau xử lý có thể sử dụng để rửa xe, dưỡng hộ thi công... Nên sử dụng các loại vật liệu thuận tiện vận chuyển để rút gọn thời gian và lộ trình vận chuyển, tránh tháo dỡ và vận chuyển vật liệu với số lượng lớn sau khi công trình đã kết thúc.

Thẩm Hùng Khâm

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng và Kiến trúc
Trung Quốc, số 16/2015*

ND: Kim Nhạn

Thành phố Mỹ Tho đạt tiêu chuẩn đô thị loại I

Ngày 25/1/2016 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Mỹ Tho đạt tiêu chuẩn đô thị loại I trực thuộc tỉnh Tiền Giang. Tham dự Hội nghị có các thành viên của Hội đồng thẩm định nâng loại đô thị quốc gia gồm đại diện Văn phòng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, các Hội, Hiệp hội chuyên ngành. Đại diện lãnh đạo địa phương tham dự Hội nghị có ông Trần Thanh Đức - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Tiền Giang, ông Nguyễn Văn Hồng - Chủ tịch UBND thành phố Mỹ Tho và đại diện các Sở, ngành của tỉnh Tiền Giang và thành phố Mỹ Tho. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh - Chủ tịch Hội đồng thẩm định chủ trì Hội nghị.

Báo cáo tóm tắt các nội dung của Đề án đề nghị công nhận thành phố Mỹ Tho đạt tiêu chuẩn đô thị loại I trực thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Mỹ Tho Nguyễn Văn Hồng cho biết, Mỹ Tho là đô thị tỉnh lỵ của tỉnh Tiền Giang có lịch sử phát triển hơn 300 năm. Thành phố Mỹ Tho nằm ở trung tâm vùng tỉnh Tiền Giang, có vai trò là một đô thị trung tâm khu vực Bắc sông Tiền, cửa ngõ chính tiếp cận thành phố Hồ Chí Minh và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, cửa ngõ giao thương ra biển Đông của các đô thị dọc sông Tiền và vùng sông Mê Kông mở rộng với tuyến đường thủy quốc tế đến Phnompenh, đường cao tốc Tp. Hồ Chí Minh - Cần Thơ, các Quốc lộ QL60, QL50, QL1...

Quy hoạch xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long và Quy hoạch xây dựng vùng Tp. Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 đã khẳng định thành phố Mỹ Tho giữ vai trò vừa là đô thị trung tâm vùng tỉnh Tiền Giang, vừa là đô thị vệ tinh cực phát triển phía Tây Nam vùng Tp. Hồ Chí Minh, cực phát triển phía Bắc của vùng đồng bằng sông Cửu Long; là cửa ngõ quan trọng của vùng đồng bằng sông Cửu Long với Tp. Hồ Chí Minh, là nơi tập trung các cơ sở đào tạo cấp vùng đồng bằng sông Cửu Long, là đô thị tổng hợp cấp vùng Tp. Hồ



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh phát biểu tại Hội nghị

Chí Minh. Kể từ khi được công nhận là đô thị loại II vào năm 2005, trong 10 năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh Tiền Giang, sự hỗ trợ của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung Ương, sự nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố Mỹ Tho, thành phố Mỹ Tho đã không ngừng được đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội, bộ mặt đô thị ngày càng được đổi mới theo hướng văn minh, hiện đại, đời sống kinh tế, văn hóa, tinh thần của nhân dân thành phố ngày càng được nâng cao; kinh tế phát triển với tốc độ nhanh (GDP giai đoạn 2012 - 2014 bình quân tăng trưởng đạt 12,87%), tỷ trọng cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, thu ngân sách đạt khá, cân đối dư; thu nhập bình quân đầu người năm 2014 bằng 1,84 lần so với bình quân cả nước, kinh tế du lịch phát triển, các giá trị văn hóa đặc sắc như đờn ca tài tử, du lịch sinh thái miệt vườn được bảo tồn và phát huy.

Hiện nay, tổng dân số trên địa bàn thành phố Mỹ Tho là 270.700 người, khu vực nội thành là 201.687 người, mật độ dân số đô thị đạt 16.105 người/km²; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 96,1%. Chỉ tiêu về nhà ở của thành phố Mỹ Tho đạt bình quân 17 m² sàn/người, số nhà ở kiên cố, khá kiên cố và bán kiên cố chiếm 81,1%; hệ thống công trình công cộng cấp khu ở bình quân đạt 1,62 m²/người. Trên địa bàn thành phố có 15 trường đại học, cao đẳng, trung

học; 10 trung tâm văn hóa cấp đô thị; 07 công trình thể dục thể thao cấp đô thị; 15 công trình thương mại (chợ, siêu thị); tỷ lệ giường bệnh đạt bình quân 6,5 giường/1000 người; tỷ lệ hộ dân khu vực nội thành được cấp nước sạch đạt 91,9% với tiêu chuẩn cấp nước đạt 139 lít/người/ngày-đêm; Mật độ đường cống thoát nước chính đạt 4,64k m/km²; tỷ lệ xử lý nước thải sinh hoạt đạt 40%; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn khu vực nội thành đạt 97,5%; diện tích đất cây xanh đô thị đạt 10,77 m²/người.... Căn cứ theo các tiêu chí phân loại đô thị của Nghị định số 42/2009/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 34/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2009/NĐ-CP, thành phố Mỹ Tho đã hội đủ các điều kiện để trở thành đô thị loại I trực thuộc tỉnh Tiền Giang.

Phát biểu tại Hội nghị, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Tiền Giang Trần Thanh Đức cho biết, mục tiêu phát triển đô thị của Mỹ Tho là nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, giữ gìn và phát huy những lợi thế và đặc trưng của một đô thị vùng sông nước. Trong thời gian tới, tỉnh và thành phố sẽ xây dựng lộ trình và kế hoạch cụ thể để khắc phục các chỉ tiêu còn đạt thấp, để đô thị Mỹ Tho phát triển thực sự xứng tầm với tiềm năng, vị thế cũng như trở thành một đô thị xanh, sạch, văn minh và hiện đại.

Đánh giá về Đề án của tỉnh Tiền Giang, các báo cáo phản biện của Bộ Nội vụ, Bộ Xây dựng đều thống nhất việc đề nghị nâng loại đô thị Mỹ Tho là đô thị loại I là phù hợp với chủ trương của Chính phủ và bám sát thực tiễn phát triển của đô thị Mỹ Tho. Với vai trò là đô thị tỉnh lỵ, thành phố Mỹ Tho có vị trí, chức năng quan trọng của vùng tỉnh Tiền Giang nói riêng và vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long, vùng Tp Hồ Chí Minh nói chung. Trong 10 năm qua, đô thị Mỹ Tho đã có sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, xã hội; cơ sở hạ tầng ngày càng được hoàn thiện, diện mạo đô thị ngày càng khởi sắc, đời sống của nhân dân được cải thiện, thành phố đã cơ bản đạt được các tiêu chí của đô thị loại I trực thuộc tỉnh.



Phó Chủ tịch UBND tỉnh Tiền Giang Trần Thanh Đức phát biểu tại Hội nghị

Bên cạnh việc đồng thuận nâng loại đô thị cho Mỹ Tho, các chuyên gia phản biện và các thành viên Hội đồng cũng phát biểu nhiều ý kiến đóng góp cho Đề án, đồng thời cũng đề xuất những kiến nghị với tỉnh Tiền Giang và thành phố Mỹ Tho nhằm xây dựng thành phố Mỹ Tho phát triển hơn, xứng tầm với vị trí, chức năng của thành phố trong tương lai.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng thẩm định - Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh nhất trí với ý kiến của các chuyên gia phản biện và các thành viên Hội đồng và đề nghị lãnh đạo tỉnh Tiền Giang, thành phố Mỹ Tho chỉ đạo đơn vị tư vấn tiếp thu để hoàn thiện Đề án.

Theo Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh, Đề án đề nghị công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại I trực thuộc tỉnh được chuẩn bị nghiêm túc, công phu; việc nâng loại đô thị Mỹ Tho là cần thiết để tạo điều kiện cho thành phố phát triển hơn trong tương lai. Thành phố Mỹ Tho là một đô thị có lịch sử phát triển lâu đời, là cửa ngõ của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, và vùng đồng bằng sông Cửu Long, nằm trên các trục quốc lộ chính - hành lang kinh tế quốc gia, cao tốc Tp. Hồ Chí Minh – Cần Thơ. Với những đặc điểm lịch sử, vị thế của Mỹ Tho đã được xác định là đầu mối, trọng điểm du lịch của vùng đồng bằng sông Cửu Long, cửa ngõ giao thông thủy hướng ra biển Đông của các đô thị dọc sông Tiền. Từ khi được công nhận là đô thị loại II vào năm 2005, thành phố Mỹ Tho đã xây

dụng chương trình phát triển đô thị để huy động các nguồn lực đầu tư, tập trung phát triển và hoàn thiện cơ sở hạ tầng đô thị, cải tạo chỉnh trang đô thị. Đối với các tiêu chí chưa đạt, thành phố đã đưa ra các giải pháp cũng như đã có các dự án sắp tới sẽ được triển khai để khắc phục.

Bên cạnh đó, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh cũng lưu ý, thành phố trong thời gian tới cần hết sức quan tâm bám sát định hướng phát triển đô thị của thành phố, thực hiện rà soát quy hoạch chung để điều chỉnh phù hợp nhằm phát huy vị

thế tiềm năng của thành phố, xem xét các vấn đề kết nối giao thông đối ngoại, mở rộng quỹ đất xây dựng, phát triển các ngành ứng dụng công nghệ cao, đồng thời khắc phục một số chỉ tiêu còn đạt thấp về xử lý nước thải, chất thải rắn nhằm nâng cao chất lượng môi trường và cuộc sống của người dân đô thị, phục vụ cho phát triển du lịch để trở thành một trọng điểm du lịch của quốc gia và vùng.

Minh Tuấn

Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Tam Kỳ là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Quảng Nam

Ngày 20/1/2016, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Hội nghị thẩm định đề án đề nghị công nhận thành phố Tam Kỳ là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Quảng Nam đã diễn ra dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh - Chủ tịch Hội đồng thẩm định. Đại diện Chính quyền địa phương tham dự Hội nghị có ông Lê Trí Thanh - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam; lãnh đạo Sở Xây dựng tỉnh; lãnh đạo Thành ủy, UBND và HĐND thành phố Tam Kỳ.

Báo cáo với Hội đồng nội dung Đề án, Chủ tịch UBND thành phố Tam Kỳ Văn Anh Tuấn cho biết: Tam Kỳ là thành phố tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Nam, là trung tâm chính trị - hành chính - kinh tế - văn hóa - giáo dục của tỉnh. Thành phố có lợi thế lớn về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên: nằm trong tuyến hành lang kinh tế ven biển Đà Nẵng - Quảng Nam - Quảng Ngãi; là đầu mối giao thông quan trọng kết nối với các đô thị lớn của miền Trung và trong cả nước thông qua Quốc lộ 1, Quốc lộ 14B, 14D và 14E. Có tuyến đường sắt Bắc Nam đi qua; gần sân bay Chu Lai và cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng; gần cảng Kỳ Hà - đó là những điều kiện thuận lợi để phát triển giao thương trên địa bàn thành phố và tỉnh với các vùng kinh tế lớn trong cả nước. Tam Kỳ là trung điểm đi đến các vùng Đông Nam Á và Đông Bắc Á, cùng với cửa



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị thẩm định

khẩu Đắc Ốc và Bờ Y tạo ra cửa ngõ thông thương cho toàn vùng Tây Nguyên, Nam Lào, Đông bắc Thái Lan và tiểu vùng sông Mê Kông.

Thị xã Tam Kỳ đã được công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 1993/QĐ-BXD ngày 26/10/2005 của Bộ Xây dựng, và công nhận là thành phố trực thuộc tỉnh Quảng Nam tại Nghị định số 113/2006/NĐ-CP ngày 29/6/2006 của Chính phủ. Qua 10 năm phát triển, được sự quan tâm của Trung ương và Chính quyền địa phương, và với nỗ lực xây dựng một đô thị xanh sạch - đẹp của người dân thành phố, Tam Kỳ đã có những thay đổi căn bản về diện mạo và chất lượng đô thị. Không gian đô thị được mở rộng; tốc độ đô thị hóa nhanh; kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội được đầu tư nâng cấp đáng kể.

Kinh tế địa bàn đạt tốc độ tăng trưởng khá. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Đến năm 2015, tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ là 72,8%; công nghiệp - xây dựng 24,5%; nông nghiệp 2,7%. Các công trình hạ tầng xã hội, giáo dục, y tế được nâng cấp và xây mới đồng bộ. Nhiều công trình, dự án đã và đang được triển khai xây dựng như khu sinh thái và bãi tắm Tam Thanh, Quảng trường 24/3, địa đạo Kỳ Anh, Tượng đài Mẹ Việt Nam Anh hùng... Đặc biệt, khu Tượng đài Mẹ Việt Nam Anh hùng mới được khánh thành là một điểm đến khó quên của Tam Kỳ - mảnh đất chịu nhiều đau thương nhưng kiên cường bất khuất, vùng đất giàu truyền thống cách mạng của Việt Nam. Cùng với những địa danh nổi tiếng không chỉ trong tỉnh Quảng Nam, trong cả nước mà trên cả thế giới như Mỹ Sơn, Hội An, Cù Lao Chàm... có rất nhiều tiềm năng để phát triển du lịch biển, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa - lịch sử.

Về cơ bản, tới nay, Tam Kỳ đã đáp ứng các tiêu chí của đô thị loại II, căn cứ theo Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 7/5/2009 của Chính phủ về việc Phân loại đô thị và Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP.

Các báo cáo phản biện của Bộ Nội vụ và Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng, báo cáo thẩm định của Cục Phát triển đô thị - Bộ Xây dựng, các chuyên gia trong Hội đồng đều đánh giá cao những kết quả Tam Kỳ đạt được trên chặng đường phấn đấu trở thành đô thị loại II, với 29/49 chỉ tiêu đạt tối đa, trong đó có nhóm chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật. Hội đồng cũng chỉ ra, bên cạnh những thành tích vô cùng ấn tượng, Tam Kỳ còn 5/49 chỉ tiêu chưa đạt chuẩn đô thị loại II cần khắc phục trong thời gian tới đây, trong đó có một số chỉ tiêu về kinh tế xã hội như mức thu nhập bình quân, quy mô dân số...

Tiếp thu các ý kiến của Hội đồng, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Trí Thanh chia sẻ với Hội đồng một số khó khăn của Tam Kỳ và phương hướng



Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam Lê Trí Thanh phát biểu trong Hội nghị

khắc phục, hoàn thiện các chỉ tiêu chưa đạt. Cụ thể, tỉnh và thành phố sẽ thúc đẩy việc lập quy hoạch xây dựng vùng Tam Kỳ, Núi Thành, Phú Ninh; phối hợp với Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai đầu tư xây dựng khu công nghiệp Tam Thăng. UBND tỉnh sẽ áp dụng các chính sách thu hút đầu tư để kêu gọi nhiều hơn các chủ đầu tư trong và ngoài nước, từng bước chuyển dịch cơ cấu ngành nghề cho lao động tại địa phương và thu hút lao động có chất lượng từ các địa bàn khác, qua đó gia tăng quy mô dân số, mật độ dân số, tăng thu nhập cho người dân. Ngoài ra, tỉnh tiếp tục thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế xã hội, đầu tư và thu hút đầu tư cho các dự án khu đô thị kiểu mẫu đa dạng về loại hình và phù hợp với nhu cầu của nhiều đối tượng khác nhau, nhất là các đối tượng thu nhập thấp, công nhân, lao động nghèo...

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh hoàn toàn nhất trí với các thành viên Hội đồng, công nhận thành phố Tam Kỳ là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Quảng Nam với số điểm trung bình 87,46. Thứ trưởng lưu ý UBND tỉnh và thành phố nhanh chóng xây dựng chương trình phát triển đô thị phù hợp; xác định rõ nguồn lực thực hiện; phát triển theo định hướng đô thị tăng trưởng xanh phù hợp với Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Tam Kỳ đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt.

Lệ Minh

Thị trấn Đồng Đăng đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV

Ngày 14/1/2016, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị trấn Đồng Đăng mở rộng (huyện Cao Lộc - tỉnh Lạng Sơn) là đô thị loại IV. Được sự ủy quyền của lãnh đạo Bộ Xây dựng, Cục trưởng Cục Phát triển đô thị Đỗ Viết Chiến chủ trì Hội nghị.



Ông Đỗ Viết Chiến - Cục trưởng Cục Phát triển đô thị chủ trì Hội nghị thẩm định

Theo Đề án, thị trấn Đồng Đăng mở rộng là cầu nối, cửa ngõ không chỉ của Việt Nam mà cả các nước ASEAN với thị trường Quảng Tây và miền Nam Trung Quốc trong khu vực mật dịch tự do ASEAN - Trung Quốc. Thị trấn nằm trong Khu kinh tế (KKT) cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, nằm trong các hành lang tăng trưởng kinh tế quan trọng như hành lang Hà Nội - Lạng Sơn - Nam Ninh - Bắc Kinh, hành lang Đông Tây dọc biên giới theo Quốc lộ 4A - 4B, hành lang Đông Tây dọc đường 279. Thị trấn có hệ thống giao thông đường sắt và đường bộ khá hoàn chỉnh nối liền với các trung tâm kinh tế lớn của Việt Nam. Đó chính là những điều kiện hết sức thuận lợi để phát triển giao thương trên địa bàn, hình thành một thị trường trung chuyển hàng hóa lớn của cả nước và các nước ASEAN sang Trung Quốc và ngược lại, đóng góp đáng kể cho ngân sách của tỉnh Lạng Sơn và của quốc gia.

Sau khi xem xét, đối chiếu với các quy định hiện hành (Nghị định số 42/2009/NĐ-CP của Chính phủ về phân loại đô thị và Thông tư số



Ông Hà Xuân Quang, Bí thư Huyện ủy huyện Cao Lộc (tỉnh Lạng Sơn) phát biểu trong Hội nghị 34/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn Nghị định số 42), các thành viên Hội đồng đã nhất trí công nhận Đồng Đăng là đô thị loại IV với điểm số trung bình 80,79. Theo đánh giá của Hội đồng, hiện tại Đồng Đăng có 43/49 chỉ tiêu đạt so với quy định (trong đó có 06 chỉ tiêu áp dụng quy chế đặc thù đô thị biên giới theo điều 15 Nghị định 42). Có 06 chỉ tiêu chưa đạt như quy mô dân số, nhà tang lễ...; một số chỉ tiêu đạt còn thấp như cơ sở y tế - giáo dục, diện tích cây xanh. Do đó, UBND tỉnh và huyện cần có những định hướng cụ thể để khắc phục trong thời gian tới nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân - những người thụ hưởng trực tiếp thành quả từ việc thị trấn được nâng lên loại IV.

Với vị trí vô cùng quan trọng về an ninh quốc phòng, về quan hệ ngoại giao biên giới, Hội đồng thẩm định nhất trí việc nâng cấp thị trấn Đồng Đăng mở rộng lên thành đô thị loại IV là cần thiết. Đây cũng là tiền đề để hình thành thị xã Đồng Đăng trong tương lai, qua đó nâng cao vai trò của đô thị Đồng Đăng trong hợp tác phát triển kinh tế Việt Nam - Trung Quốc, đồng thời khẳng định vị thế khu vực với vị trí đối trọng cân bằng giữa thị trấn Đồng Đăng và đô thị Bằng Tường (Trung Quốc).

Đại diện cho chính quyền địa phương, ông Hà Xuân Quang, Tỉnh ủy viên, Bí thư huyện ủy

huyện Cao Lộc trân trọng ghi nhận những ý kiến tâm huyết của Hội đồng, đồng thời cho biết: UBND tỉnh và huyện đã có những chỉ đạo và quan tâm sát sao trong việc đầu tư cho Đồng Đăng hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội. Thời gian tới đây trên địa bàn Đồng Đăng sẽ triển khai xây dựng một nhà tang lễ, nâng cấp mở rộng trung tâm dạy nghề và xây mới trường trung cấp chuyên nghiệp, đầu tư xây dựng trạm biến áp 110/35/22KV Đồng Đăng quy mô công suất 2 x 40 MVA kết hợp với củng

cố hệ thống điện chiếu sáng đô thị và nông thôn cho thị trấn. Được công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV, thị trấn Đồng Đăng mở rộng sẽ phát huy hơn nữa nội lực của mình, tiếp tục phấn đấu trở thành đô thị trung tâm cấp vùng, xứng đáng với vai trò là trung tâm kinh tế tổng hợp chủ đạo của KKT cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn.

Lệ Minh

Bộ Xây dựng sẽ tập trung phát triển nhà ở xã hội cho các đối tượng chính sách

“Năm 2016, Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục tập trung phát triển nhà ở xã hội cho các đối tượng chính sách có khó khăn về nhà ở như người có công với cách mạng; hộ nghèo khu vực nông thôn; người thu nhập thấp tại khu vực đô thị; nhà ở cho cán bộ, công chức, viên chức, nhân sỹ, trí thức, văn nghệ sỹ; nhà ở cho sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp thuộc lực lượng vũ trang nhân dân; nhà ở cho công nhân tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các cơ sở sản xuất, dịch vụ ngoài khu công nghiệp; nhà ở cho sinh viên, học sinh các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề; nhà ở cho các đối tượng chính sách xã hội đặc biệt khó khăn” - là ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng nêu nhiệm vụ năm 2016 tại Hội nghị trực tuyến tổng kết công tác năm 2015, triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2016 của ngành Xây dựng, diễn ra tại Hà Nội vào ngày 15/1/2016.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng nhấn mạnh: Đặc biệt cần chăm lo nhà ở cho lực lượng sỹ quan quân nhân chuyên nghiệp thuộc lực lượng vũ trang vì đây là lực lượng nòng cốt để bảo vệ chủ quyền quốc gia và giữ vững an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường hòa bình ổn định để phát triển đất nước.

Năm 2015, Bộ Xây dựng chú trọng đẩy mạnh

công tác phát triển nhà ở theo Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu nhà ở của người dân, đặc biệt các đối tượng người có công; người nghèo ở khu vực thường xuyên bị bão, lũ; người thu nhập thấp ở đô thị có khó khăn về nhà ở. Bộ Xây dựng đã chỉ đạo, hướng dẫn và hỗ trợ các địa phương xây dựng Chương trình phát triển nhà ở của địa phương; tập trung triển khai các chương trình phát triển nhà ở xã hội trọng điểm và đã đạt được nhiều kết quả tích cực, giúp cho hàng trăm ngàn hộ gia đình chính sách, người nghèo, người thu nhập thấp có điều kiện cải thiện chỗ ở.

Tính đến hết tháng 12/2015, diện tích nhà ở bình quân toàn quốc đạt khoảng 22,0 m² sàn/người (tăng 1,1 m² sàn/người so với năm 2014, tăng 4,5 m² sàn/người so với năm 2010); năm 2015, cả nước phát triển thêm khoảng 1,0 triệu m² nhà ở xã hội khu vực đô thị, đưa tổng diện tích nhà ở xã hội khu vực đô thị đạt khoảng 2,8 triệu m²...

Kết quả thực hiện các chương trình phát triển nhà ở quốc gia như sau: Chương trình nhà ở cho người có công tính đến tháng 12/2015, theo báo cáo của 53 địa phương đã được tạm ứng kinh phí, số lượng hộ người có công với cách mạng đã được hỗ trợ về nhà ở là 64.254 hộ (trong đó có 39.264 hộ xây mới nhà ở và

24.990 hộ sửa chữa nhà ở). Đồng thời, đã hỗ trợ thêm cho 7.847 hộ thuộc các tỉnh mới rà soát bổ sung sau báo cáo Đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội năm 2012, với số vốn hỗ trợ từ ngân sách TW khoảng 285 tỷ đồng.

Chương trình hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung theo đề án của các địa phương và sau khi rà soát thì tổng số hộ thuộc diện đối tượng cần hỗ trợ là 28.132 hộ; đến nay, các địa phương đã triển khai hỗ trợ cho khoảng 5.000 hộ.

Chương trình nhà ở xã hội tại khu vực đô thị: Trong năm 2015, đã hoàn thành đầu tư xây dựng 13 dự án nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp (khoảng 6.164 căn hộ), 20 dự án nhà ở xã hội cho công nhân (khoảng 8.273 căn hộ). Tính đến nay, đã hoàn thành đầu tư xây dựng 51 dự án nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp (khoảng 25.850 căn hộ), 84 dự án nhà ở xã hội cho công nhân (khoảng 28.550 căn hộ). Đang tiếp tục triển khai 108 dự án nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp (khoảng 61.290 căn hộ), 63 dự án nhà ở xã hội cho công nhân khu công nghiệp (khoảng 69.300 căn hộ).

Chương trình nhà ở sinh viên: Đến 31/12/2015, tổng số dự án bàn giao đưa vào sử dụng là 85/95 dự án, giải quyết chỗ ở cho khoảng 220.000 sinh viên; 10 dự án đang trong giai đoạn xong xây thô. Số lượng học sinh, sinh viên đã được bố trí vào ở đạt tỷ lệ bình quân khoảng 80%. Tính chung trong giai đoạn 2011-2015, đã có khoảng 780 nghìn căn nhà ở xã hội được đưa vào sử dụng, giải quyết chỗ ở cho khoảng trên 3 triệu người nghèo và các đối tượng chính sách.

Kiểm soát chặt chẽ thị trường bất động sản

Thị trường bất động sản năm 2015 tiếp tục phục hồi tích cực, thể hiện qua các yếu tố giá cả ổn định; thanh khoản tăng; cơ cấu hàng hóa được điều chỉnh hợp lý, hướng tới người thu nhập trung bình và thấp; tồn kho bất động sản liên tục giảm. Cụ thể là lượng giao dịch bất



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng chủ trì Hội nghị

động sản thành công liên tục tăng chủ yếu tại phân khúc căn hộ có diện tích vừa và nhỏ, các dự án đã hoàn thành, dự án tại khu vực có đầy đủ các công trình hạ tầng và các dự án đang thi công với tiến độ tốt, bên cạnh đó, cũng đã có nhiều giao dịch thành công tại phân khúc sản phẩm trung và cao cấp.

Cơ cấu hàng hóa bất động sản được điều chỉnh hợp lý: Trên địa bàn cả nước đã có 63 dự án đăng ký chuyển đổi từ nhà ở thương mại sang nhà ở xã hội với quy mô xây dựng khoảng 42.370 căn hộ; có 94 dự án đăng ký điều chỉnh cơ cấu căn hộ, với số lượng căn hộ ban đầu là 42.000 căn hộ xin điều chỉnh thành 56.500 căn hộ (tăng 14.500 căn hộ). Gói tín dụng hỗ trợ 30.000 tỷ đồng tiếp tục được giải ngân mạnh, tính đến hết năm 2015, tổng số tiền đã cam kết là 26.999 tỷ đồng (đạt 90%), đã giải ngân là 17.711 tỷ đồng (đạt 59%)...

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cho biết: Năm 2016, Bộ Xây dựng chú trọng kiểm soát chặt chẽ thị trường bất động sản, kiên trì các giải pháp cấu trúc hợp lý thị trường bất động sản, không được chủ quan để thị trường bất động sản phát triển nóng dẫn đến bong bóng bất động sản; tiếp tục kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo các ngành, địa phương có liên quan thực hiện tốt các Chương trình Phát triển nhà ở trọng điểm, trong đó cơ bản hoàn thành giai đoạn 1 Chương trình Hỗ trợ nhà ở cho người có công, Chương trình Hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung; tập trung triển khai

Chương trình 167 giai đoạn 2, Chương trình Xây dựng cụm tuyến dân cư và nhà ở khu vực thường xuyên ngập lũ Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 3, đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội khu vực đô thị.

Bên cạnh đó, Bộ Xây dựng tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản gắn với thực hiện Chiến lược Phát triển nhà ở quốc gia: Triển khai thực hiện Luật Kinh doanh bất động sản và văn bản

hướng dẫn; tăng cường quản lý, kiểm soát thị trường theo quy định của Luật Kinh doanh bất động sản, đảm bảo để thị trường phát triển ổn định, bền vững. Tiếp tục rà soát, phân loại, điều chỉnh hợp lý cơ cấu hàng hóa các dự án bất động sản; xây dựng hệ thống thông tin thị trường bất động sản.

Trần Đình Hà

Bộ Xây dựng yêu cầu tăng cường kiểm soát phát triển đô thị theo quy hoạch và có kế hoạch

Tại Hội nghị trực tuyến tổng kết công tác năm 2015, triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2016 của ngành Xây dựng, diễn ra tại Hà Nội ngày 15/1/2016 vừa qua, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đã yêu cầu các địa phương tăng cường kiểm soát phát triển đô thị theo Nghị định số 11/2013/NĐ-CP về quản lý đầu tư phát triển đô thị của Chính phủ.

Năm 2015, trong bối cảnh đất nước phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như: Tình hình thế giới diễn biến phức tạp với những căng thẳng, bất đồng về địa chính trị, kinh tế thế giới phục hồi chậm, kinh tế trong nước tăng trưởng chưa vững chắc, cân đối ngân sách nhà nước gặp nhiều khó khăn, nguồn thu giảm, không đáp ứng được đầy đủ yêu cầu chi cho đầu tư phát triển; chất lượng, hiệu quả, năng lực sản xuất, năng lực cạnh tranh của một số đơn vị trong Ngành còn hạn chế, quá trình tái cơ cấu chậm... nhưng ngành Xây dựng đã đạt được nhiều kết quả trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là công tác lập quy hoạch xây dựng được tập trung thực hiện, các đồ án quy hoạch đã thể hiện tư duy đổi mới và tầm nhìn dài hạn, tỷ lệ phủ kín quy hoạch tăng lên đáng kể, chất lượng đồ án quy hoạch từng bước được nâng cao.

Bộ Xây dựng đã tập trung chỉ đạo rà soát điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch vùng liên tỉnh, quy hoạch khu chức năng đặc thù, quy



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng chủ trì Hội nghị

hoạch chung đô thị trên phạm vi cả nước; đẩy nhanh tốc độ phủ kín quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị; hoàn thành quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

Công tác quản lý, kiểm soát phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch tiếp tục có những chuyển biến tích cực, từng bước đảm bảo sự phát triển đô thị hài hòa, bền vững. Tính đến nay, toàn quốc có khoảng 787 đô thị, gồm 2 đô thị đặc biệt (Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh), 15 đô thị loại I trong đó có 3 đô thị loại I trực thuộc Trung ương (Hải Phòng, Đà Nẵng và Cần Thơ), 25 đô thị loại II, 42 đô thị loại III, 75 đô thị loại IV và 628 đô thị loại V. Số đô thị từ loại I đến loại IV chỉ chiếm 159/787 đô thị (20,2%). Tỷ lệ đô thị hóa tăng đều qua các năm (khoảng 1,1%/năm), đến năm 2015 đạt khoảng 35,7%

(tăng khoảng 1,2% so với năm 2014).

Triển khai thực hiện Nghị định 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về phân loại đô thị, năm 2015, Bộ Xây dựng đã tổ chức thẩm định nâng loại cho 19 đô thị. Tính trong giai đoạn 5 năm 2011 - 2015, Bộ Xây dựng đã tổ chức thẩm định nâng loại cho 75 đô thị (trong đó có 6 đô thị loại I, 18 đô thị loại II, 13 đô thị loại III và 38 đô thị loại IV); hoàn thành việc rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình nâng loại đô thị trong Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 7/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Các chương trình, đề án cấp quốc gia về phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật, các quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đô thị tiếp tục được triển khai thực hiện và đạt nhiều kết quả tích cực. Chương trình phát triển đô thị quốc

gia giai đoạn 2012 - 2020, Chương trình nâng cấp đô thị quốc gia giai đoạn 2009 đến năm 2020 tiếp tục được triển khai, trong đó tập trung vào Dự án nâng cấp đô thị 06 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long và Dự án nâng cấp đô thị 7 tỉnh miền núi phía Bắc đã góp phần nâng cao chất lượng đời sống của người dân đô thị, tạo động lực thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội tại các đô thị miền núi, ven biển là những địa bàn trước đây có nhiều khó khăn.

Đến nay, tỷ lệ đô thị hóa trên cả nước đạt khoảng 36,8%; tỷ lệ quy hoạch vùng tỉnh đạt 100%, quy hoạch chung đạt 100%, quy hoạch phân khu đạt khoảng trên 75%, quy hoạch chi tiết 1/500 đạt khoảng trên 35%, quy hoạch xây dựng nông thôn đạt 100%...

Trần Đình Hà

Các nguyên tắc kiến trúc xanh theo quan điểm của Kiến trúc sư F.L. Rayt

Tình trạng sinh thái hiện nay buộc loài người phải xem xét lại các mối quan hệ với môi trường xung quanh. Các nhà khoa học, các kiến trúc sư và các nhà thiết kế đã và đang có những đóng góp quan trọng cho việc giải quyết các vấn đề sinh thái. F. L. Rayt - người sáng lập trường phái kiến trúc hữu cơ là mối quan tâm hàng đầu. Kiến trúc sư Rayt đã phát triển các ý tưởng sinh thái trong kiến trúc và thiết kế đi trước “kiến trúc xanh”.

Khái niệm “kiến trúc xanh” được khởi nguồn đầu tiên từ khái niệm “kiến trúc bền vững” xuất hiện vào thập niên 1980 của thế kỷ 20. Loại hình kiến trúc này bao gồm không chỉ kiến trúc với các yếu tố thiên nhiên tích hợp mà còn bao gồm cả kiến trúc sử dụng năng lượng hiệu quả, kiến trúc sinh thái, kiến trúc tiết kiệm và kiến trúc công thái học. Do vậy, kiến trúc “xanh” cần phải được xem xét trong tổng thể của các mối quan hệ tương hỗ của các giải pháp kỹ thuật

công trình, cảnh quan và kiến trúc.

Phần dưới đây sẽ xem xét cách tiếp cận sinh thái trong kiến trúc hữu cơ của KTS Rayt và sự ảnh hưởng của các khái niệm của KTS đối với các nguyên tắc của “kiến trúc xanh”.

Sự tiến hoá trong quá trình phát triển cách tiếp cận sinh thái trong kiến trúc hữu cơ của KTS Rayt

KTS Rayt cho rằng kiến trúc cần phải lấy nguồn cảm hứng từ thiên nhiên và con người cần sống theo các quy luật của thiên nhiên. KTS nhận thấy ngôi nhà như một cơ thể sống mà có thể gắn với cảnh quan và cùng với cảnh quan tạo ra một chỉnh thể. Và đó chính là cơ sở của kiến trúc hữu cơ xét về tổng thể.

Khái niệm “hữu cơ” được sử dụng theo 3 nghĩa. *Nghĩa thứ nhất*, đó là “ có công năng và vật liệu mang tính thiên nhiên”, trong đó công năng được hiểu là không chỉ theo nhu cầu thực tiễn mà cả các nhu cầu tinh thần của con người;

nghĩa thứ hai và cũng là nghĩa đặc trưng nhất của khái niệm này, “hữu cơ” được xem là “sự tuân thủ các điều kiện của cảnh quan thiên nhiên”, cũng có nghĩa là tuân thủ các điều kiện khí hậu của môi trường và tổng thể các đặc tính thẩm mỹ của môi trường; *thứ ba*, “hữu cơ” có nghĩa là “sự lấy các dạng thức thiên nhiên làm hình mẫu”. Cả 3 ý nghĩa nêu trên đều là các yếu tố cơ sở của “kiến trúc xanh”.

Sự tiến hoá diễn ra như thế nào? Bằng các phương pháp hợp lý, KTS Rayt đã nỗ lực kết hợp một cách thống nhất các khả năng mới (vào thời điểm đó) về kỹ thuật và nghệ thuật và kiến trúc trong đó đã xét đến các đặc điểm tâm lý và nhu cầu cá nhân của con người. Trong đó các hình mẫu của thiên nhiên sống đã trở thành nguồn cảm hứng cho công tác thiết kế công trình. Trong thiên nhiên diễn ra sự kết hợp hài hoà của các đặc tính thẩm mỹ và hợp lý, vốn là một KTS đồng thời cũng là một nhà thiết kế, KTS Rayt đã thiết kế nhà và nội thất tuân theo các quy tắc nêu trên. Sự thống nhất giữa hình thức và nội dung, giữa công năng, đặc tính thẩm mỹ và kết cấu cần được hoàn thiện.

Kiến trúc hữu cơ theo khái niệm của KTS Rayt đó là kiến trúc mang đặc tính tự nhiên hình thành từ các nhu cầu cuộc sống của con người và không dựa trên cơ sở các lý luận thẩm mỹ nghệ thuật.

Các ý tưởng của Gơt đã ảnh hưởng mạnh mẽ lên sự sáng tạo của KTS Rayt theo đó tác phẩm nghệ thuật, tương tự như một cơ thể sinh học, trong đó tồn tại sự phụ thuộc lẫn nhau của các bộ phận tạo thành thực thể sinh học đó. Khái niệm trên bắt nguồn từ các ý tưởng triết học của Gơt. Trong quá trình vẽ thực thể thực vật, KTS đã nêu bật 2 khía cạnh cấu tạo của thực thể, đó là: Quy luật về thiên nhiên nội tại theo đó thực thể được hình thành và quy luật về các tình huống bên ngoài gây ra sự thay đổi thực thể đó.

Một mặt, KTS Ray áp dụng rộng rãi khái niệm nêu trên có xét đến địa điểm đã được lựa

chọn cho việc thực hiện công tác xây dựng, nghiên cứu “bản chất tự nhiên của vật liệu” và thường xuyên sử dụng lưới tọa độ cùng với các mô hình, mặt khác KTS xem khái niệm đó là độc đáo.

Trong nghiên cứu quá trình tiến hoá của sự phát triển của cách tiếp cận sinh thái trong kiến trúc hữu cơ cho thấy sự cần thiết phân chia ra 3 giai đoạn là: Giai đoạn phong cách Preryi (1900 - 1917), giai đoạn Yusonovskiy (thập niên 1930) và các công trình sau đó (thập niên 1950).

Công trình “Những ngôi nhà Preryi” đem lại sự nổi tiếng cho KTS. Các công trình đó xuất phát từ khái niệm kiến trúc hữu cơ, trong đó ý tưởng của kiến trúc đó là nguyên tắc tích hợp và sự đồng nhất với thiên nhiên. Các ngôi nhà được đặc trưng bởi các điểm nhấn là các đường nằm ngang trong bố cục, mặt bằng mở, mái nhà được nhô nhiều ra bên ngoài giới hạn của nhà, sự phân chia nhịp nhàng mặt trước nhà bằng các khung, mái đua và hoàn thiện bằng các loại



Ngôi nhà Robi, 1908 - 1910, Chicago

vật liệu thiên nhiên chưa qua chế biến. Các ngôi chùa Nhật Bản được xem là hình mẫu đối với các công trình xây dựng vào giai đoạn này.

Khái niệm tổ chức không gian nhà ở trong ngôi nhà Nhật Bản đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến KTS và trở thành ví dụ định hướng cho việc làm thế nào để loại bỏ những gì không cần thiết trong quá trình thiết kế và làm thế nào để loại bỏ những gì là không cần thiết. Trong ngôi nhà Mỹ, KTS đã loại bỏ tất cả những gì được cho là không đặc sắc và đem lại sự lộn xộn.

Đỉnh cao thứ hai trong sáng tác của KTS Rayt diễn ra vào thập niên 1930. Thời gian đó KTS đã nỗ lực sử dụng các cấu kiện được chế



Ngôi nhà "Giai đoạn Yusonovskiy"

tạo trong nhà máy và kết cấu bê tông cốt thép, tiếp tục so sánh mục đích kỹ thuật của chủ nghĩa công năng với các ý tưởng lãng mạn về sự thống nhất với thiên nhiên.

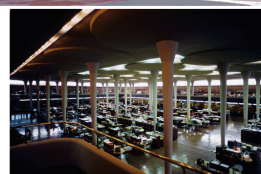
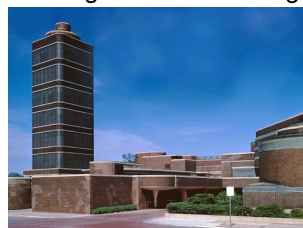
Vào giai đoạn này, KTS Rayt đã thiết kế các ngôi nhà phù hợp với chủ đầu tư là tầng lớp trung lưu. Những ngôi nhà tiện nghi, mang tính công nghệ và tiết kiệm, "Yusonovskiy" đã góp phần hoàn thiện các nguyên tắc được đặt nền móng từ những "ngôi nhà Preryi".

Có thể cho rằng các "ngôi nhà Yusonovskiy" sẽ trở thành các đơn nguyên xây dựng trong khái niệm phát triển đô thị của KTS Rayt là "Đô thị với đường chân trời rộng". Ý tưởng của ông đề cập việc phi đô thị hoá đối với các đô thị quá đông dân cư. Khái niệm "Đô thị với đường chân trời rộng" đã làm thay đổi mạnh mẽ các nguyên tắc Mỹ về xây dựng nhà thấp tầng ở vùng ngoại ô.

Vào giai đoạn này KTS Rayt đã thiết kế các công trình công cộng trong số đó có trụ sở Công ty "Jonson Back" (1936-1939) tại thành phố Racine bang Wisconsin (Mỹ). Lối kết cấu của công trình là sảnh trung tâm được thi công dưới dạng dầm cột dạng cây trong đó mỗi cây cột đều được mở rộng về phía trên. Phòng thí nghiệm cũng nhắc lại cấu trúc của cái cây theo đó không gian của phòng thí nghiệm được hình thành xung quanh một lõi trung tâm là "thân cây" mang bên trong nó là giềng thang máy, còn sàn trần ngăn thì được thi công luân phiên dưới dạng các tấm hình vuông tạo thành bộ khung của nhà và bộ khung lại được gắn chìm

các tấm hình tròn. Hệ thống các ống thủy tinh nửa xuyên sáng bảo đảm sự chiếu sáng và tạo điều kiện cho sự hình thành bầu không khí "thánh thiện" cho chỗ làm việc.

Thập niên 1950, KTS Rayt rời bỏ kiến trúc hữu cơ và chuyển sang thiết kế nhà theo phong cách vận năng hơn và quốc tế hơn. Cũng vào giai đoạn này KTS không sử dụng các góc vuông như được rút ra từ hình dáng "nhân tạo" trong xây dựng nhà ở và chuyển sang sử dụng đường xoắn ốc và vòng tròn chu tuyến. Cùng với sự xuất hiện của các lý thuyết tiến hoá, đã nảy sinh ý tưởng theo đó các phong cách kiến trúc cũng có khả năng "tiến hoá" tương tự như các



Tòa nhà trụ sở Công ty "Jonson Back" và dầm cột hình cây trong nội thất của công trình

thực thể sinh học, trong khi đó các nhà sinh học ngày càng nghiêng về giả thuyết cho rằng các hình dáng trong thiên nhiên nảy sinh từ kết quả của tính hợp lý về công năng để đạt mục tiêu nhất định cũng như từ các quy luật hình thái học được sử dụng làm nền tảng. Ví dụ, đường xoắn ốc logarit xuất hiện khắp nơi trong thiên nhiên hoặc "đường cong cuộc sống" như đôi khi được nhận thấy.

Công trình bảo tàng Solomon Guggenheim tại Niu-ooc (Mỹ) đã trở thành đỉnh cao sáng tác của KTS. Công trình do KTS Rayt thiết kế và xây dựng trong 16 năm (1943 - 1959). Mặt trước bảo tàng được xây dựng với hình xoắn ốc đặt ngược, còn nội thất được thi công với hình vỏ trứng mà tại trung tâm là hàng hiên bên



Hình dáng bên ngoài của Bảo tàng S. Guggenheim tại Niu-oc (Mỹ)

trong có mái che kính. Trong ví dụ về ngôi nhà của Gebert Iacob được biết đến với tên gọi “hình bán nguyệt mặt trời” chúng ta có thể nhận thấy rằng thiên nhiên chính là nguồn cảm hứng chủ yếu của KTS.

Bối cảnh lúc bấy giờ đã tạo điều kiện cho sự phát triển sáng tạo của KTS Rayt. Thế giới quan của KTS chịu ảnh hưởng của không chỉ thi ca, triết học và âm nhạc mà cả quá trình công nghiệp hoá đang diễn ra vào thời gian đó. Do vậy, mỗi một đồ án của KTS Rayt đều đã kết hợp trong nó những sự vật mâu thuẫn với nhau, là: Các phương pháp công nghiệp mới, tính nhân văn và tình yêu sâu nặng với thiên nhiên.

Sự ảnh hưởng của khái niệm kiến trúc hữu cơ lên các nguyên tắc “kiến trúc xanh”

Các nguyên tắc về “kiến trúc xanh” được triển khai vào thực tế thông qua việc lồng ghép yếu tố thiên nhiên vào cấu trúc của nhà, hệ thống sử dụng năng lượng tiết kiệm kể cả được lồng ghép vào cấu trúc của các giải pháp bố cục và mặt bằng không gian của công trình cả trên mặt bằng lẫn trong hình khối và được gắn kết trực tiếp với kiến trúc hữu cơ.

Sau đây sẽ xem xét cụ thể hơn những nội dung nêu trên:

- Nguyên tắc tiết kiệm năng lượng: Đây là cách thiết kế và xây dựng trong đó tiêu thụ nhiệt dành cho sưởi và làm mát được giảm đến mức nhỏ nhất;

- Nguyên tắc “hợp tác” với mặt trời: Đó là việc

sử dụng năng lượng mặt trời làm nguồn cung cấp ánh sáng và nhiệt lượng chủ yếu;

- Nguyên tắc tôn trọng con người: Ngôi nhà được xây dựng không vì mục đích đem bán; ngôi nhà trước hết là chỗ sinh sống của con người, là môi trường trong đó con người sống, làm việc và học tập. Do vậy, tính phù hợp của nhà cần được hướng vào từng cá nhân sống trong ngôi nhà một cách riêng biệt;

- Nguyên tắc về sự tôn trọng vị trí: Kiến trúc của nhà không nên đi ngược lại với môi trường thiên nhiên bao quanh ngôi nhà đó mà cần phải hòa nhập hài hòa với môi trường thiên nhiên bao quanh. Sự quan tâm lớn cần phải được hướng vào mục tiêu là làm sao để kiến trúc có thể thân thiện với thế giới cuộc sống bởi vì kiến trúc được tạo ra là vì con người;

- Nguyên tắc về sự tích hợp: Nguyên tắc này cho rằng tất cả các nguyên tắc nêu trên cần phải tồn tại trong mối quan hệ tương hỗ với nhau.

Kiến trúc xanh xem xét việc sáng tạo ra các ngôi nhà như là sự tiếp nối một cách tự nhiên của thiên nhiên và không chống lại thiên nhiên. Trong giai đoạn phát triển tiếp theo của mình, kiến trúc xanh hướng tới việc tạo ra những ngôi nhà sinh thái. Đây là những công trình sử dụng năng lượng hiệu quả và tiện nghi đồng thời lại được trang bị các hệ thống hoạt động độc lập bảo đảm duy trì các điều kiện sống. Kết cấu của các ngôi nhà đó cần sử dụng một tổ hợp các trang thiết bị kỹ thuật công trình. Các ngôi nhà đó được xây dựng bằng các vật liệu và kết cấu xây dựng thân thiện với con người về mặt sinh thái. Ngôi nhà của tương lai đó là hệ thống độc lập tự bảo đảm điều kiện sống, được gắn kết hài hoà vào cảnh quan thiên nhiên và tồn tại hài hoà với thiên nhiên.

Gimadieva L.Y và Kuleeva L.M

Nguồn: Bản tin Trường đại học kiến trúc - xây dựng Kazan, số 2/2015

ND: Huỳnh Phước

Ba nội dung quan trọng trong tái cơ cấu ngành Xây dựng của Trung Quốc

Đại hội Đảng lần thứ 18 được tổ chức tại Bắc Kinh năm 2012 đã chỉ ra “Phát triển thực tiễn, tư tưởng giải phóng, mở cửa và cải cách là vô tận, tương tự như vậy, cải cách và phát triển ngành Xây dựng cũng được thực hiện không ngừng”. Hiện nay, để phát triển ngành Xây dựng, cần chú trọng tới việc đề cao tái cơ cấu và phát triển, bởi giữa chúng không chỉ có mối liên hệ giữa mô hình và phát triển, mà còn có mối liên quan giữa chính phủ và thị trường, có mối quan hệ giữa công bằng và chính nghĩa.

I. Phương thức cải cách xây dựng

Trong ngành công nghiệp nhà ở, cần tiếp tục thúc đẩy việc sử dụng rộng rãi và hiệu quả các công nghệ tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm đất, nước, vật liệu và thân thiện với môi trường. Đặc biệt là có những bước đột phá về phương diện tiết kiệm năng lượng trong xây dựng. Bởi vì, tiết kiệm năng lượng trong xây dựng là một trong 3 chiến lược lớn của quốc gia về tiết kiệm năng lượng, đồng thời ngành Xây dựng là Ngành có mức tiêu thụ năng lượng lớn nhất, chiếm khoảng 50% tổng mức tiêu thụ năng lượng của cả nước; có đóng góp lớn nhất (chỉ bằng công nghệ cách nhiệt, có thể đạt hiệu quả tiết kiệm năng lượng cho tòa nhà từ 50 - 65%); cũng là ngành mang lại hiệu quả rõ rệt nhất (sau khoảng 8 năm, sau khi tòa nhà mới được triển khai toàn diện, hàng năm có thể tiết kiệm gần 100 triệu tấn than, giảm phát thải khoảng 300 triệu tấn CO₂, kích thích mục tiêu tăng trưởng kinh tế từ 300 - 600 tỷ). Để cải cách sâu hơn đối với ngành Xây dựng:

Thứ nhất, cần phải nắm bắt cơ hội để tăng cường chiều sâu phát triển đối với lĩnh vực tiết kiệm năng lượng trong xây dựng và các ngành liên quan, quản lý hợp đồng tài nguyên, xử lý nước thải, tái sử dụng nước, xử lý rác thải, thiết kế môi trường...

Thứ hai, cần sớm thúc đẩy cải tạo tiết kiệm

năng lượng xây dựng đối với các tòa nhà hiện có trên phạm vi cả nước, như vậy có thể giảm lượng phát thải, có lợi cho dân sinh, và quan trọng hơn là kích thích nền kinh tế.

II. Đổi mới công nghệ

Hiện Trung Quốc vẫn còn những công nghệ thi công nhà ở được hình thành từ những năm 1982, như là hệ thống đúc bê tông. Khách quan mà nói, công nghệ này đóng vai trò quan trọng cho sự phát triển nhanh chóng trong công tác xây dựng đô thị và nông thôn của Trung Quốc. Thực tế mà nói, công nghệ này cũng có một số nhược điểm nổi bật: *Một là*, lãng phí lượng xi măng nghiêm trọng; *hai là* phải cần dùng một lượng nước rất lớn; *ba là*, khiến công trường xây dựng bị bẩn và trở nên lộn xộn, trở thành nguồn phát tán những hạt vật chất, gây ô nhiễm cho đô thị; *bốn là*, chất lượng bê tông đã trở thành căn bệnh phổ biến và nghiêm trọng như thường xảy ra hiện tượng nứt, thấm nước; *năm là*, chi phí nhân công tăng cao, dẫn đến khó khăn nhiều mặt như khó tuyển dụng, khó quản lý cho đến khó khăn trong khâu kiểm soát chất lượng.

Ngoài ra, với công nghệ truyền thống này, cho dù có thêm bao nhiêu chất phụ gia, thì hiệu quả của nó dường như đã đạt đến giới hạn, khó mà đạt được mục tiêu 7 ngày/ tầng để xây dựng nhà cao tầng hay siêu cao tầng, như vậy đối với những tòa nhà có độ cao từ 80 - 100 tầng, phải mất thời gian gần 3 năm để xây dựng. Điều này cho thấy, công nghệ thi công xây dựng truyền thống của Trung Quốc đã đến thời gian cần phải cải cách, cần kịp thời thúc đẩy và phát triển ngành công nghiệp Xây dựng đúc sẵn, để vừa có thể khắc phục nhược điểm trên, vừa có thể thay đổi mô hình xây dựng và nâng cao hiệu quả. Sau gần một thập kỷ nỗ lực và cố gắng, ngành công nghiệp Xây dựng đúc sẵn của Trung Quốc đã thực hiện một bước đột phá và đứng vào vị trí hàng đầu thế giới như công nghệ

bê tông cốt thép đúc sẵn Vanke, Viễn Đại, Hàng Tiêu. Những công nghệ này đều phù hợp trong việc ứng dụng với những nhà cao và siêu cao tầng, giúp giảm nhiều chi phí, hiệu quả mang lại cao, giảm lượng nước, xi măng, rút ngắn thời gian thi công từ 3 - 4 ngày/tầng.

III. Thay đổi mô hình thị trường

Từ những năm 1987, Trung Quốc đã thúc đẩy thí điểm thực hiện kinh nghiệm cải cách của Lubuge, nhưng lại không theo kịp một số ngành công nghiệp như hóa dầu, điện lực, luyện kim, dệt may... nhưng lại tạo ra bước đột phá đối với các dự án trong ngành đường sắt, giao thông, thủy lợi, hầu hết vẫn đang tiếp tục thực hiện theo mô hình kế hoạch kinh tế.

Trong quá trình thực hiện cũng xảy ra hiện tượng như trước khi thực hiện một dự án trúng thầu nào đó, người ta thường chia nhỏ gói thầu và ép giá đối với các nhà thầu, hay sau khi trúng thầu, phía đơn vị thi công và thiết kế liên tục đàm phán thay đổi các hạng mục một cách nghiêm trọng. Ngoài ra, các doanh nghiệp xây dựng trên thị trường cũng cạnh tranh khốc liệt, khiến cho thị trường nhiều lúc rơi vào hỗn loạn, dễ xảy ra tình trạng tham nhũng.

Trước bối cảnh như vậy, chính quyền tại một số đô thị đã bắt đầu đẩy mạnh cải cách mô hình thị trường xây dựng nhà ở và cơ sở hạ tầng thành phố, thực hiện mô hình tổng thầu thiết kế thi công, để đơn vị tổng thầu có động lực trong việc thực hiện tiết kiệm năng lượng trong xây dựng, hiệu quả và tối ưu hóa việc đổi mới công nghệ và rút ngắn thời gian đầu tư, thực hiện “một giá, chia

khóa trao tay, mua sản phẩm đã hoàn thành, sản phẩm chất lượng cao”, mang lại lợi ích kinh tế và xã hội. Chẳng hạn như dự án Thâm Quyển Metro, thông qua phương thức tổng thầu đã giúp dự án tiết kiệm đầu tư 15%, rút ngắn thời gian thi công 38%, đặc biệt với phương pháp này còn mang lại 3 lợi ích lớn là thi công xây dựng nhanh chóng, đảm bảo chất lượng; giúp doanh nghiệp tổng thầu thiết kế thi công trở nên lớn mạnh hơn; nâng cao hiệu quả chống tham nhũng đối với các dự án đầu tư công.

Về sau, có rất rất nhiều đô thị cũng thực hiện phương pháp tổng thầu thiết kế thi công đối với dự án xây dựng tàu điện ngầm. Trung Quốc cũng đặc biệt chú trọng và quan tâm tới những địa phương, những đơn vị thiết kế thi công có quy mô lớn thúc đẩy cải cách và đổi mới về lĩnh vực tổng thầu thiết kế thi công.

Hiện nay, dưới áp lực kinh tế ngày càng tăng, ngành Xây dựng càng cạnh tranh khốc liệt hơn, nhưng nói đúng hơn, đây chính là thời điểm thuận lợi để cải cách. Tái cơ cấu và phát triển ngành xây dựng là một việc quan trọng và 3 phương diện trên không thể thiếu trong quá trình cải cách đó.

Vương Thiết Hồng - Chủ tịch Hiệp hội ngành Xây dựng Trung Quốc

Nguồn: <http://www.zgjzy.org> (Trang web Hiệp hội ngành Xây dựng Trung Quốc, ngày 16/10/2015)

ND: Bích Ngọc

THÀNH PHỐ MỸ THO ĐẠT TIÊU CHUẨN ĐÔ THỊ LOẠI I

Hà Nội, ngày 25 tháng 1 năm 2016



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh phát biểu tại Hội nghị



Phó Chủ tịch UBND tỉnh Tiền Giang Trần Thanh Đức phát biểu tại Hội nghị